

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG TRỊ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 68 /BC-HĐND

Quảng Trị, ngày 25 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO

thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 32
(Kỳ họp chuyên đề) - HĐND tỉnh khoá VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo luật định và phân công của Thường trực HĐND tỉnh về thẩm tra 15 tờ trình, 01 báo cáo, 3 văn bản bổ sung kèm dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thứ 32 (Kỳ họp chuyên đề) HĐND tỉnh, kết hợp tổ chức giám sát, khảo sát, tham vấn một số ngành, địa phương, đơn vị có liên quan và theo ý kiến của Chủ tọa kỳ họp; Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định một số nội dung như sau:

Phần 1. Đầu tư công

1. Điều chỉnh Kế hoạch Đầu tư công trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương (Tờ trình số 124/TTr-UBND ngày 23/6/2025 Tờ trình số 107/TTr-UBND ngày 10/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Việc đề nghị điều chỉnh Kế hoạch Đầu tư công trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương phù hợp với quy định tại Khoản 7 Điều 71 Luật Đầu tư công¹, các văn bản hướng dẫn hiện hành và tình hình thực tiễn của địa phương. Qua rà soát, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua các nội dung điều chỉnh theo đề nghị của UBND tỉnh như sau:

1.1. Đối với nguồn vốn cân đối theo tiêu chí

a) Các dự án điều chỉnh giảm vốn

- Dự án Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 1): Được HĐND tỉnh giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 16.500 triệu đồng và kế hoạch 2025 là 16.500 triệu đồng.

¹ “... 7. Hội đồng nhân dân các cấp điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương trong các trường hợp sau đây: a) Do điều chỉnh mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; b) Do thay đổi đột biến về cân đối thu ngân sách địa phương hoặc khả năng huy động các nguồn vốn của địa phương; c) Do thay đổi nhu cầu sử dụng hoặc khả năng triển khai thực hiện vốn kế hoạch hằng năm giữa các cơ quan, đơn vị của địa phương...”.

- Dự án Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 2): Được HĐND tỉnh giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 24.149 triệu đồng và kế hoạch 2025 là 18.714 triệu đồng.

- Dự án Cơ quan Đảng, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội huyện Hải Lăng: được HĐND tỉnh giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 10.000 triệu đồng và kế hoạch 2025 là 5.500 triệu đồng.

- Dự án Tuyến đường kết nối cảng hàng không Quảng Trị với Quốc lộ 1 được HĐND tỉnh giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch 2025 là 29.040 triệu đồng (*ngoài ra KH2025 nguồn NSTW cũng đã bố trí 40.649 triệu đồng*). Tuy nhiên theo báo cáo của Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh (Chủ đầu tư), hiện nay dự án đang trong giai đoạn thực hiện công tác khảo sát và thiết kế bản vẽ thi công. Thời gian còn lại của năm là ngắn, nên việc giải ngân hết kế hoạch vốn đã được giao là khó thực hiện. Để sử dụng hiệu quả nguồn vốn, nâng cao tỷ lệ giải ngân trên địa bàn, đề nghị điều chỉnh giảm kế hoạch trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025 là 4.866 triệu đồng.

- Vốn chuẩn bị đầu tư: đã được HĐND tỉnh giao kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 là 20.000 triệu đồng; kế hoạch năm 2025 là 13.420 triệu đồng; kính đề nghị điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch 2025 là 3.420 triệu đồng.

b) Dự án điều chỉnh tăng vốn

- Hiện nay, do nguồn thu đấu giá từ quyền sử dụng đất ở; nguồn thu đấu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng thực hiện chậm nên chưa có vốn nhập dự toán Tabmis cho các dự án đã được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công hàng năm, trong đó có 07 dự án, nhiệm vụ cần đẩy nhanh tiến độ hoàn thành: (1) Đường hầm sở chỉ huy thống nhất thời chiến của lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Trị (Mật danh: CH5-02) (giai đoạn 2); (2) Đường nối từ cầu Thạch Hãn đến trung tâm phường An Đôn, thị xã Quảng Trị; (3) Tuyến đường kết nối từ công phụ Trung tâm hành hương đức mẹ La Vang đến cụm công nghiệp Hải Lệ và bãi đỗ xe số 01 theo quy hoạch đô thị La Vang; (4) Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tân Liên - Thuận (ĐH.86), đoạn qua xã Tân Liên; (5) Nâng cấp đường ĐH43 huyện Triệu Phong; (6) Xây dựng các cầu vượt lũ trên tuyến ĐT.586 qua địa bàn huyện Hướng Hóa; (7) Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Dự án Kè chống sạt lở khẩn cấp bờ sông Vĩnh Định đoạn qua đội 3, thôn Vân Hòa, xã Triệu Hòa, huyện Triệu Phong và thôn Kinh Duy, xã Hải Hưng, huyện Hải Lăng: là dự án cấp bách, cần triển khai xây dựng hoàn thiện trước mùa mưa bão.

- Dự án Đường nối cầu An mô vào Khu lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn: Để đẩy

nhANH tiến độ triển khai thực hiện dự án, đề nghị bổ sung số vốn bị hủy dự toán là 4.866 triệu đồng.

1.2. Đối với nguồn vốn từ nguồn thu sử dụng đất

a) Nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất ở: Nguồn vốn đầu tư công trung hạn nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất ở giai đoạn 2021-2025 là 2.050.000 triệu đồng; kế hoạch vốn năm 2025 là 500.000 triệu đồng. Tuy nhiên, do nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất ở đạt thấp, đến nay mới thu 106.774 triệu đồng/500.000 triệu đồng đạt 21,35% kế hoạch². Do đó, để đảm bảo tiến độ thực hiện cho một số dự án cấp thiết, kính đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất ở giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch vốn năm 2025 là 39.474 triệu đồng để có cơ sở bố trí từ nguồn vốn ngân sách tỉnh cân đối theo tiêu chí. Tỷ lệ giảm theo quy định tại Nghị quyết số 111/2021/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế tài chính xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị. Trong đó:

*** Đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất:** Nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất được phân bổ trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 307.500 triệu đồng, kế hoạch vốn năm 2025 là 75.000 triệu đồng, kính đề nghị giảm 5.921 triệu đồng trong kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch vốn năm 2025 (chiếm tỷ lệ 15% trong tổng số vốn giảm theo quy định tại Nghị quyết số 111/2021/NQ-HĐND ngày 30/8/2021).

*** Các công trình phát triển quỹ đất**

- Dự án Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà: được HĐND tỉnh giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 324.538 triệu đồng, kế hoạch vốn năm 2025 là 77.527 triệu đồng. Đề nghị bố trí giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn và kế hoạch vốn năm 2025 là 18.553 triệu đồng (tương ứng 47% trong tổng số vốn giảm là đúng theo quy định tại Nghị quyết số 111/2021/NQ-HĐND ngày 30/8/2021).

- Dự án Đường nối từ cầu Thạch Hãn đến trung tâm phường An Đôn, thị xã Quảng Trị: được HĐND tỉnh giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 45.000 triệu đồng; kế hoạch năm 2025 được bố trí là 35.900 triệu đồng. Dự án phải thực hiện hoàn thành trong năm 2025, do đó kính đề nghị điều chỉnh giảm 15.000 triệu đồng từ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025 để được bố trí từ nguồn vốn cân đối theo tiêu chí.

b) Nguồn thu đấu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng

Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025, nguồn thu từ đấu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng được giao là 880.000 triệu đồng. Kế hoạch năm 2025,

² Văn bản số 491/TTPTQĐ-KH ngày 19/5/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh

nguồn thu từ đấu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng được giao là 245.000 triệu đồng. Tuy nhiên, đến nay nguồn vốn này không thu được nên không có vốn để giải ngân. Một số công trình theo kế hoạch sẽ hoàn thành trong năm 2025 nhưng không có vốn để thực hiện; Ngày 06/6/2025 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1835/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn dự án: Sân nền và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại khu vực trung tâm cửa khẩu quốc tế La Lay - tỉnh Quảng Trị (Giai đoạn 2). Do đó, để có cơ sở bố trí từ nguồn vốn cân đối theo tiêu chí cho các công trình cấp thiết; và đảm bảo phù hợp về cơ cấu nguồn vốn của dự án đã được điều chỉnh, kính đề nghị điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 là 67.064 triệu đồng và kế hoạch vốn năm 2025 là 51.181 triệu đồng. Trong đó:

*** Đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất:** Nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất được phân bổ trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 132.000 triệu đồng, kế hoạch vốn năm 2025 là 36.750 triệu đồng; kính đề nghị điều chỉnh giảm (theo tỷ lệ 15% trong tổng số vốn giảm theo quy định tại Nghị quyết số 111/2021/NQ-HĐND ngày 30/8/2021), cụ thể: Điều chỉnh giảm kế hoạch trung hạn 2021-2025: 10.060 triệu đồng; điều chỉnh giảm kế hoạch 2025: 7.677 triệu đồng.

*** Bố trí công trình phát triển quỹ đất và kinh tế xã hội khác:** Nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất được phân bổ trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 748.000 triệu đồng, kế hoạch vốn năm 2025 là 208.250 triệu đồng; kính đề nghị điều chỉnh giảm 57.004 triệu đồng trong kế hoạch trung hạn 2021-2025 và điều chỉnh giảm: 43.504 triệu đồng trong kế hoạch năm 2025 (chiếm tỷ lệ 85% trong tổng số vốn giảm là đúng theo quy định tại Nghị quyết số 111/2021/NQ-HĐND ngày 30/8/2021), trong đó:

- Điều chỉnh giảm trong kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch vốn năm 2025 để bố trí từ nguồn vốn cân đối theo tiêu chí, bao gồm các nhiệm vụ, dự án sau:

+ Dự án Đường hầm sở chỉ huy thống nhất thời chiến của lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Trị (Mật danh: CH5-02) (giai đoạn 2): điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 là 2.936 triệu đồng và kế hoạch vốn năm 2025 là 2.936 triệu đồng.

+ Dự án Tuyến đường kết nối từ cổng phụ Trung tâm hành hương đức mẹ La Vang đến cụm công nghiệp Hải Lệ và bãi đỗ xe số 01 theo quy hoạch đô thị La Vang: điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 là 2.752 triệu đồng và kế hoạch vốn năm 2025 là 2.752 triệu đồng.

+ Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tân Liên - Thuận (ĐH.86), đoạn qua xã Tân Liên: điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và kế hoạch

vốn năm 2025 là 4.060 triệu đồng.

+ Dự án Nâng cấp đường ĐH43 huyện Triệu Phong: điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 là 1.650 triệu đồng và kế hoạch vốn năm 2025 là 1.650 triệu đồng.

+ Dự án Xây dựng các cầu vượt lũ trên tuyến ĐT.586 qua địa bàn huyện Hướng Hóa: Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 là 10.606 triệu đồng và kế hoạch vốn năm 2025 là 10.606 triệu đồng.

+ Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn: điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 là 1.500 triệu đồng và kế hoạch vốn năm 2025 là 1.500 triệu đồng.

- Dự án San nền và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại khu vực trung tâm cửa khẩu quốc tế La Lay - tỉnh Quảng Trị (Giai đoạn 2): được HĐND tỉnh giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 35.000 triệu đồng, kế hoạch vốn năm 2025 là 20.000 triệu đồng. Ngày 06/6/2025, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1835/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn, theo đó điều chỉnh giảm nguồn vốn đầu giá, đấu thầu đất cho nhà đầu tư 33.500 triệu đồng/tổng số 35.000 triệu đồng. Do đó đề nghị điều chỉnh giảm kế hoạch trung hạn 2021-2025 và kế hoạch vốn năm 2025 nhằm đảm bảo phù hợp với cơ cấu vốn điều chỉnh, gồm: Điều chỉnh giảm kế hoạch trung hạn 2021-2025 là 33.500 triệu đồng; điều chỉnh giảm kế hoạch 2025 là 20.000 triệu đồng.

2. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025, kế hoạch vốn các năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025 và kế hoạch vốn năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (Tờ trình số 127/TTr-UBND ngày 23/6/2025 thay thế Tờ trình số 116/TTr-UBND ngày 20/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Việc đề nghị HĐND tỉnh điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025, kế hoạch vốn các năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025 và kế hoạch vốn năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới phù hợp với Nghị quyết số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Trị năm 2025, các Nghị định của Chính phủ: số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền

của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính và các Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển Ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025; Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 của HĐND tỉnh về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và tình hình thực tế địa phương. Qua rà soát, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua như sau:

a) Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển NSTW giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM

Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển NSTW giai đoạn 2021-2025 được phân bổ tại các Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 và số 85/NQ-HĐND ngày 24/10/2023 của HĐND tỉnh để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 432.890 triệu đồng. Tuy nhiên, theo Quyết định số 864/QĐ-TTg ngày 05/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của tỉnh đã điều chỉnh giảm 3.950 triệu đồng. Do đó, đề nghị HĐND tỉnh thống nhất điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 của Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại các Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 và số 85/NQ-HĐND ngày 24/10/2023 của HĐND tỉnh tương ứng với tiền là 428.940 triệu đồng.

b) Điều chỉnh kế hoạch vốn kế hoạch vốn đầu tư phát triển NSTW các năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025 và kế hoạch vốn năm 2025

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển NSTW thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới các năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025 của các huyện là 5.405,250 triệu đồng;

- Tổng vốn đầu tư phát triển NSTW thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2025 tại Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 và Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 HĐND tỉnh là 93.970 triệu đồng.

Để đảm bảo phù hợp với việc thực hiện tổ chức chính quyền 2 cấp theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025 và Nghị quyết số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn

vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Trị năm 2025, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương các năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025 và kế hoạch năm 2025 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo đề nghị tại các phụ lục 01, 02, 03 kèm theo Tờ trình số 127/TTr-UBND ngày 23/6/2025 của UBND tỉnh.

3. Cho ý kiến về các dự án thực hiện qua 02 kỳ trung hạn sử dụng nguồn ngân sách địa phương, trong đó kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 vượt 20% so với kỳ trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Tờ trình số 121/TTr-UBND ngày 23/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến các dự án thực hiện qua 02 kỳ trung hạn sử dụng nguồn ngân sách địa phương, trong đó kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 vượt 20% so với kỳ trung hạn giai đoạn 2021-2025 phù hợp với quy định tại khoản 3³ điều 93 Luật Đầu tư công năm 2024. Cụ thể đối với nguồn NSDP hiện nay có 25⁴ dự án chuyển sang giai đoạn 2026-2030 với số vốn chuyển sang thực hiện trong giai đoạn 2026-2030 là 1.592,66 tỷ đồng, nếu tính thêm nhu cầu vốn bổ sung (chi phí tăng thêm GPMB) của dự án đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - giai đoạn 1 là 779,78 tỷ đồng. Như vậy, tổng số giá trị tổng mức đầu tư của các dự án sử dụng vốn NSDP phải thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 là 2.372,44 tỷ đồng/5.515,49 tỷ đồng, chiếm 43% so với số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đề nghị HĐND tỉnh thông qua là đúng quy định.

4. Điều chuyển kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và hằng năm của cấp huyện vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm giai đoạn 2021 - 2025 của ngân sách cấp tỉnh (Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 23/6/2025 của UBND tỉnh)

a) Tính pháp lý: Việc điều chuyển kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và hằng năm của cấp huyện vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm giai đoạn 2021 - 2025 của ngân sách cấp tỉnh phù hợp quy định tại Điều 7 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền

³ “Trường hợp các chương trình, dự án thực hiện qua 02 kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn liên tiếp quy định tại điểm a, điểm d khoản 2 Điều này thực hiện vượt quá mức 20%, cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án báo cáo Thủ tướng Chính phủ đối với vốn ngân sách trung ương, báo cáo Hội đồng nhân dân các cấp đối với vốn ngân sách địa phương do cấp mình quản lý cho phép phê duyệt nhưng không vượt quá mức 50% tương ứng với quy định tại điểm a, điểm d khoản 2 Điều này”.

⁴ Trong đó: 09 dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư thực hiện qua 02 kỳ trung hạn và 16 dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 nhưng không bố trí đủ vốn hoàn thành, chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030.

của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính⁵.

b) Nguyên tắc: Trên cơ sở báo cáo của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm giai đoạn 2021-2025 của cấp huyện vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm giai đoạn 2021-2025 của ngân sách cấp tỉnh là phù hợp. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh kính đề nghị HĐND thống nhất phương án chuyển tiếp theo nguyên tắc sau:

- Tổng nguồn Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, chi tiết danh mục Kế hoạch đầu tư công năm 2025, chi tiết danh mục Kế hoạch đầu tư công năm 2024 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang kế hoạch năm 2025 của cấp huyện đã giao vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 ngân sách cấp tỉnh đối với nguồn vốn ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí;

- Tổng nguồn Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, chi tiết danh mục Kế hoạch đầu tư công năm 2025, chi tiết danh mục Kế hoạch đầu tư công năm 2024 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang kế hoạch năm 2025 của cấp huyện đã giao vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách cấp tỉnh đối với nguồn vốn sử dụng đất;

- Chi tiết danh mục Kế hoạch đầu tư công năm 2025 và vượt thu xổ số kiến thiết năm 2024 đối với các nhiệm vụ được tỉnh cân đối hỗ trợ huyện (*Đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Hỗ trợ 09 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Hỗ trợ các huyện đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Hỗ trợ các huyện xây dựng phòng ở công vụ cho giáo viên vùng khó*).

c) Nội dung: Qua rà soát, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất nội dung dự thảo nghị quyết và các phụ lục đính kèm, sau khi bổ sung đầy đủ các nội dung của từng phụ lục như sau:

- Tại mục 7, 8, 9 phụ lục I.2 Thị xã Quảng Trị ở dự thảo NQ kèm Tờ trình số

⁵ “4. Thẩm quyền quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm:

b) Đối với Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025, Kế hoạch đầu tư công năm 2025 và Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang kế hoạch năm 2025 của ngân sách cấp huyện theo quy định tại khoản 9 Điều 59, khoản 7 Điều 60, khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư công; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ cơ cấu nguồn vốn trong tổng mức đầu tư, phân cấp ngân sách địa phương, nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp quyết định việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của cấp huyện vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của ngân sách cấp tỉnh hoặc Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của ngân sách cấp xã.”

123/TTr-UBND ngày 23/6/2025 của UBND tỉnh về điều chuyển kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và hằng năm của cấp huyện vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm giai đoạn 2021 - 2025 của ngân sách cấp tỉnh chưa có cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đề nghị UBND tỉnh bổ sung văn bản đã được cấp có thẩm quyền phân bổ hoặc bố trí, nếu không có đề nghị HĐND tỉnh đưa ra khỏi nội dung nghị quyết tại mục I.2 này.

- Tại mục 3, 25 phụ lục I.5 Huyện Hải Lăng ở dự thảo NQ kèm Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 23/6/2025 của UBND tỉnh về điều chuyển kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và hằng năm của cấp huyện vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm giai đoạn 2021 - 2025 của ngân sách cấp tỉnh chưa có cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đề nghị UBND tỉnh bổ sung văn bản đã được cấp có thẩm quyền phân bổ hoặc bố trí vốn, nếu không có đề nghị HĐND tỉnh đưa ra khỏi nội dung nghị quyết tại mục I.5 này.

- Tại mục 7 phụ lục I.6 Huyện Hải Lăng ở dự thảo NQ kèm Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 23/6/2025 của UBND tỉnh về điều chuyển kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và hằng năm của cấp huyện vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm giai đoạn 2021 - 2025 của ngân sách cấp tỉnh chưa có cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đề nghị UBND tỉnh bổ sung văn bản đã được cấp có thẩm quyền phân bổ hoặc bố trí vốn, nếu không có đề nghị HĐND tỉnh đưa ra khỏi nội dung nghị quyết tại mục I.6 này.

- Tại mục phụ lục II.1 Thành phố Đông Hà ở dự thảo NQ kèm Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 23/6/2025 của UBND tỉnh về điều chuyển kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và hằng năm của cấp huyện vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm giai đoạn 2021 - 2025 của ngân sách cấp tỉnh chưa có cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đề nghị UBND tỉnh bổ sung văn bản đã được cấp có thẩm quyền phân bổ hoặc bố trí vốn, nếu không có đề nghị HĐND tỉnh đưa ra khỏi nội dung nghị quyết tại mục II.1 này.

- Tại mục 4, 5, 10 phần III phụ lục II.2 Thị xã Quảng Trị ở dự thảo NQ kèm Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 23/6/2025 của UBND tỉnh về điều chuyển kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và hằng năm của cấp huyện vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm giai đoạn 2021 - 2025 của ngân sách cấp tỉnh chưa có cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đề nghị UBND tỉnh bổ sung văn bản đã được cấp có thẩm quyền phân bổ hoặc bố trí vốn, nếu không có đề nghị HĐND tỉnh đưa ra khỏi nội dung nghị quyết tại mục II.2 này.

- Tại mục 26, 27, 28, 29, 30 (sau phần B); 170, 184, 186, 187, 203, 210, 211, 215, 217, 219, 222, 226, 227, 229, 232 và phần dự phòng chưa giao mục C phần II

phụ lục II.3 huyện Vĩnh Linh ở dự thảo NQ kèm Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 23/6/2025 của UBND tỉnh về điều chuyển kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và hằng năm của cấp huyện vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm giai đoạn 2021 - 2025 của ngân sách cấp tỉnh chưa có cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đề nghị UBND tỉnh bổ sung văn bản đã được cấp có thẩm quyền phân bổ hoặc bố trí vốn, nếu không có đề nghị HĐND tỉnh đưa ra khỏi nội dung nghị quyết tại mục II.3 này.

- Tại mục 1, phần IV phụ lục II.6 huyện Đakrông ở dự thảo NQ kèm Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 23/6/2025 của UBND tỉnh về điều chuyển kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và hằng năm của cấp huyện vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm giai đoạn 2021 - 2025 của ngân sách cấp tỉnh chưa có cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đề nghị UBND tỉnh bổ sung văn bản đã được cấp có thẩm quyền phân bổ hoặc bố trí vốn, nếu không có đề nghị HĐND tỉnh đưa ra khỏi nội dung nghị quyết tại mục II.6 này.

- Tại mục 2, Phần II, Phần VI, VII phụ lục II.7 huyện Cam Lộ ở dự thảo NQ kèm Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 23/6/2025 của UBND tỉnh về điều chuyển kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và hằng năm của cấp huyện vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm giai đoạn 2021 - 2025 của ngân sách cấp tỉnh chưa có cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đề nghị UBND tỉnh bổ sung văn bản đã được cấp có thẩm quyền phân bổ hoặc bố trí vốn, nếu không có đề nghị HĐND tỉnh đưa ra khỏi nội dung nghị quyết tại mục II.7 này.

- Tại mục 2, phần A; mục 12 phần III, mục 1 phần VI khoản C phụ lục II.8 huyện Triệu Phong ở dự thảo NQ kèm Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 23/6/2025 của UBND tỉnh về điều chuyển kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và hằng năm của cấp huyện vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm giai đoạn 2021 - 2025 của ngân sách cấp tỉnh chưa có cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đề nghị UBND tỉnh bổ sung văn bản đã được cấp có thẩm quyền phân bổ hoặc bố trí vốn, nếu không có đề nghị HĐND tỉnh đưa ra khỏi nội dung nghị quyết tại mục II.8 này.

- Tại mục 1.1, 1.2 phần 1, phần 3 phụ lục III.1 huyện Đakrông ở dự thảo NQ kèm Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 23/6/2025 của UBND tỉnh về điều chuyển kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và hằng năm của cấp huyện vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm giai đoạn 2021 - 2025 của ngân sách cấp tỉnh chưa có cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đề nghị UBND tỉnh bổ sung văn bản đã được cấp có thẩm quyền phân bổ hoặc bố trí vốn, nếu không có đề nghị HĐND tỉnh đưa ra khỏi nội dung nghị quyết tại mục III.1 này.

- Tại mục 1.4 phần 1; 2.8, 2.9 phần 2 phụ lục III.4 huyện Gio Linh ở dự thảo

NQ kèm Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 23/6/2025 của UBND tỉnh về điều chuyển kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và hằng năm của cấp huyện vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm giai đoạn 2021 - 2025 của ngân sách cấp tỉnh chưa có cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đề nghị UBND tỉnh bổ sung văn bản đã được cấp có thẩm quyền phân bổ hoặc bố trí vốn, nếu không có đề nghị HĐND tỉnh đưa ra khỏi nội dung nghị quyết tại mục III.4 này.

5. Điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây - giai đoạn 1 (Tờ trình số 126/TTr-UBND ngày 23/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Dự án Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây - Giai đoạn 1 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư tại các Nghị quyết: số 105/NQ-HĐND ngày 09/12/2020; số 16/NQ-HĐND ngày 12/5/2021; số 39/NQ-HĐND ngày 14/7/2022, UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh dự án tại các Quyết định số 4282/QĐ-UBND ngày 17/12/2021; số 832/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 và số 1342/QĐ-UBND ngày 29/4/2025. Việc đề nghị điều chỉnh dự án phù hợp với quy định tại Điều 37, khoản 5 Điều 46 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15. Qua rà soát, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua các nội dung đề nghị điều chỉnh như sau:

a) Điều chỉnh tổng mức đầu tư:

- Tổng mức đầu tư đã được duyệt: 2.060 tỷ đồng.
- Tổng mức đầu tư đề nghị điều chỉnh: 2.731,779 tỷ đồng.
- Lý do điều chỉnh: Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, có phát sinh tăng chi phí giải phóng mặt bằng do khối lượng diện tích nhà cửa, vật kiến trúc, số lượng lăng mộ... bị ảnh hưởng trong quá trình lập chủ trương đầu tư là số liệu tạm tính, khảo sát chưa chính xác; tại thời điểm kiểm kê, áp giá, lập phương án bồi thường hỗ trợ thì khối lượng kiểm kê mới chi tiết và chuẩn xác lại theo phạm vi giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án. Bên cạnh đó, đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu trong giai đoạn kiểm kê, áp giá, lập phương án bồi thường hỗ trợ thì đơn giá được cập nhật theo các Quyết định mới của UBND tỉnh quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất và mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh được áp dụng làm thay đổi đơn giá và chính sách bồi thường, hỗ trợ dẫn đến chi phí giải phóng mặt bằng tăng lên (từ 326,283 tỷ đồng lên 866,985 tỷ đồng). Bên cạnh đó, chi phí xây dựng cũng điều chỉnh tăng do: điều chỉnh đoạn tuyến qua Trường bắn biển Quân khu 4 và dự phòng yếu tố trượt giá, phát sinh khối lượng, dẫn đến vượt tổng mức đầu tư dự án đã được phê duyệt. Tổng mức đầu tư dự án dự kiến tăng

từ 2.060 tỷ đồng lên 2.731,779 tỷ đồng, tăng khoảng 671,779 tỷ đồng so với tổng mức đầu tư đã được phê duyệt.

b) Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn

- Nguồn vốn đầu tư đã được phê duyệt: 2.060 tỷ đồng; trong đó:
 - + Ngân sách trung ương: 1.643,612 tỷ đồng
 - + Ngân sách tỉnh: 416,388 tỷ đồng.
- Nguồn vốn đầu tư đề nghị điều chỉnh: 2.731,779 tỷ đồng; trong đó:
 - + Ngân sách trung ương: 1.864,793 tỷ đồng.
 - + Ngân sách tỉnh và nguồn vốn khác: 866,986 tỷ đồng.
- Lý do điều chỉnh: Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn để phù hợp với tổng mức đầu tư dự kiến sau điều chỉnh.

c) Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án

- Thời gian thực hiện dự án đã được phê duyệt (tại Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 14/7/2022): Năm 2021-2026.
- Thời gian thực hiện dự án đề nghị điều chỉnh: Năm 2021-2027.
- Lý do điều chỉnh: Do vướng mắc trong công tác GPMB và do xử lý nền đất yếu nên mất nhiều thời gian để thực hiện. Vì vậy, cần gia hạn thời gian thực hiện dự án để triển khai hoàn thành các hạng mục còn lại của dự án. Việc điều chỉnh là do nguyên nhân bất khả kháng làm thay đổi thời gian thực hiện phù hợp với điểm c, khoản 2 điều 46 Luật Đầu tư công 2024.

d) Các nội dung không điều chỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 09/12/2020; số 16/NQ-HĐND ngày 12/5/2021; số 39/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh.

6. Dừng chủ trương đầu tư công trình Cầu vượt lũ Ly Tôn - xã Tà Long
(Tờ trình số 125/TTr-UBND ngày 23/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Công trình Cầu vượt Ly Tôn - xã Tà Long được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 28/3/2023 với tổng mức đầu tư là 10.936 triệu đồng từ nguồn vốn Ngân sách Trung ương hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai năm 2022, thời gian thực hiện năm 2023. Do công trình nằm giữa lòng sông, địa bàn miền núi hiểm trở, thời điểm triển khai thi công bước vào giai đoạn cao điểm của mùa mưa lũ nên gặp nhiều khó khăn trong công tác tổ chức thực hiện. Trong quá trình thực hiện dự án gặp vướng mắc về công tác GPMB, cụ thể: Tuyến đường hai đầu cầu dài khoảng 130m, chủ yếu đi qua đất của 04 hộ dân và 01 nhà sinh hoạt cộng đồng. Mố cầu M1, M2, khu vực gia công vật liệu, bãi đúc dầm cũng nằm trên phần đất của các hộ dân chưa được giải tỏa; đến thời điểm kết thúc thời gian thực hiện dự án, mặt bằng vẫn chưa được bàn giao. Kế hoạch vốn bố trí và giải ngân: Vốn đã bố

trí 10.936 triệu đồng⁶; tổng số vốn đã giải ngân từ thời điểm triển khai đến nay là 892,47 triệu đồng/10.936 triệu đồng (đạt 8,16% kế hoạch), trong đó bao gồm các chi phí: QLDA (30%); khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập nhiệm vụ khảo sát, giám sát khảo sát, thẩm định, bảo hiểm công trình, lập HSMT, đánh giá HSDT xây lắp, chi phí thẩm tra quyết toán và một số chi phí khác. Dự án sử dụng 100% vốn ngân sách trung ương hỗ trợ khắc phục thiên tai năm 2022, thời gian thực hiện và giải ngân đến hết ngày 31/12/2023. Do không giải ngân được vốn đã bố trí, nên kế hoạch vốn phân bổ đã bị huỷ dự toán và thu hồi về ngân sách trung ương tại Văn bản số 1091/BKHĐT-KTNN ngày 15/02/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Việc đề nghị HĐND tỉnh dừng chủ trương đầu tư công trình Cầu vượt lũ Ly Tôn - xã Tà Long phù hợp quy định tại Điều 37 Luật Đầu tư công năm 2024 và Khoản 2, Điều 15 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất dừng chủ trương đầu tư công trình Cầu vượt lũ Ly Tôn - xã Tà Long theo đề nghị của UBND tỉnh để tránh không trùng lặp với các chương trình, dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư hoặc đã có quyết định đầu tư theo quy định tại khoản 2, Điều 19 Luật Đầu tư công năm 2024.

7. Gia hạn thời gian bố trí vốn dự án Đường nối cầu An Mô vào khu lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn (Tờ trình số 122/TTr-UBND ngày 23/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Dự án Đường nối cầu An Mô vào Khu lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 31/3/2017; phê duyệt điều chỉnh vốn và thời gian thực hiện dự án tại Nghị quyết số 265/NQ-HĐND ngày 19/10/2017 và phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 với tổng mức đầu tư là 79.495 triệu đồng (trong đó: nguồn Ngân sách trung ương hỗ trợ là 66.600 triệu đồng và nguồn Ngân sách tỉnh là 12.895 triệu đồng); Dự án thuộc nhóm C; Thời gian thực hiện: 2018-2025 (Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh thời gian thực hiện dự án tại Quyết định số 3264/QĐ-UBND ngày 27/12/2024). Dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn tại Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 19/7/2023. Tuy nhiên, do vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng nên dự án không thể thực hiện hoàn thành theo tiến độ đã được duyệt; đến nay vướng

⁶ (Quyết định số 1661/QĐ-TTg ngày 31/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai 10 tháng đầu năm 2022; Thông báo số 53/UBND-CN ngày 16/3/2023 của UBND tỉnh về Danh mục công trình và mức vốn bố trí từ nguồn kinh phí Trung Ương hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai năm 2022);

mắc trong công tác giải phóng mặt bằng đã được xử lý.

Để hoàn thành công trình, theo quy định tại điểm d, khoản 3 Điều 57 Luật Đầu tư công 2024: “*Trường hợp dự án đã gia hạn theo quy định tại điểm b và điểm c của khoản này mà phải tiếp tục gia hạn, cơ quan chủ quản dự án kiểm điểm trách nhiệm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với vốn ngân sách trung ương; Ủy ban nhân dân kiểm điểm trách nhiệm, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với vốn ngân sách địa phương*”; **Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh báo cáo kết quả kiểm điểm trách nhiệm của UBND tỉnh đối với các tổ chức cá nhân có liên quan**; nếu được HĐND tỉnh thống nhất kết quả kiểm điểm, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất gia hạn thời gian bố trí vốn sang năm 2025, để UBND tỉnh kịp thời bố trí vốn để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện hoàn thành dự án Đường nối cầu An Mô vào Khu lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn theo dự kiến.

Phần 2. Tài chính công

1. Quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; Quyết toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Quảng Trị năm 2024 (Báo cáo số 135/BC-UBND ngày 25/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Quyết toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024 đã được Kiểm toán Nhà nước kết luận tại Văn bản số 155/KVII-TH ngày 25/6/2025 và đã được đối chiếu số liệu với Kho bạc Nhà nước tỉnh. Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua số liệu quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Quảng Trị năm 2024 như sau:

- Tổng thu ngân sách địa phương được hưởng: 14.722.148,43 triệu đồng.
- Tổng chi ngân sách địa phương: 14.647.286,88 triệu đồng.
- Chênh lệch thu chi ngân sách năm 2024: 74.861,55 triệu đồng, bao gồm:
 - + Chênh lệch thu chi ngân sách cấp tỉnh: 57.574,11 triệu đồng (Các khoản theo dõi để nộp trả ngân sách trung ương: 46.815,15 triệu đồng; kết dư ngân sách cấp tỉnh: 10.758,96 triệu đồng).
 - + Kết dư ngân sách cấp huyện: 11.153,19 triệu đồng.
 - + Kết dư ngân sách cấp xã: 6.134,25 triệu đồng.

2. Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (Tờ trình số 128/TTr-UBND ngày 23/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

a) Căn cứ pháp lý, trình tự, thủ tục và thẩm quyền

Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2025 được xây dựng trên cơ sở quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; các Văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính: số 4205/BTC-NSNN ngày 02/4/2025 và số 8911/BTC-NSNN ngày 20/6/2025 về việc hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài chính, ngân sách nhà nước khi tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp. Dự thảo Nghị quyết đã được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến góp ý rộng rãi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đơn vị có liên quan; đồng thời, lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của các Sở, Ban, ngành, đơn vị, địa phương; ý kiến tham gia của UBMTTQVN tỉnh; được Sở Tư pháp thẩm định theo quy định và đã được cơ quan soạn thảo tiếp thu, hoàn thiện. Đúng thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh tại điểm c và điểm d khoản 9 Điều 30⁷ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

b) Sự cần thiết: Để có cơ sở pháp lý cho công tác quản lý, phân bổ và sử dụng ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là đối với ngân sách cấp tỉnh và cấp xã sau khi tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp; việc ban hành Nghị quyết mới của HĐND tỉnh thay thế Nghị quyết số 151/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2025 là cần thiết, nhằm kịp thời triển khai thực hiện trong năm 2025.

c) Nguyên tắc: Nghị quyết này quy định cụ thể về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2025 trên cơ sở bám sát các nguyên tắc xử lý tài chính, ngân sách nhà nước khi xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại các Văn bản: số 4205/BTC-NSNN ngày 02/4/2025 và số 8911/BTC-NSNN ngày 20/6/2025, như sau:

- Việc phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách sau khi sắp xếp đơn vị hành chính được thực hiện theo hướng điều tiết nguồn thu từ cấp huyện lên cấp tỉnh (trừ huyện đảo Cồn Cỏ, sau sắp xếp trở thành đặc khu);

⁷ Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn:

c) Quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách ở địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Luật này;

d) Quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương đối với phần ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật này và các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương;

- Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện trước khi sắp xếp được phân bổ lại cho cấp tỉnh và cấp xã thực hiện, phù hợp với nhiệm vụ được giao, theo quyết định của cấp có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật. Trường hợp UBND cấp xã sau khi sắp xếp được cấp có thẩm quyền giao thực hiện các nhiệm vụ chi thuộc cấp huyện trước đây, UBND tỉnh sẽ trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung dự toán theo thẩm quyền.

d) Nội dung, kiến nghị

Việc tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh từ ngày 01/7/2025 là tình huống phát sinh cấp thiết trong thực tiễn quản lý nhà nước về tài chính - ngân sách, cần được xử lý kịp thời để đảm bảo vận hành mô hình chính quyền hai cấp theo đúng quy định pháp luật và tránh gián đoạn trong hoạt động phân bổ ngân sách nhà nước. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 50 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng Nghị quyết Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2025 là phù hợp. Theo nguyên tắc xử lý tài chính, ngân sách nhà nước như trên, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua 25 khoản thu hưởng 100%; 12 khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm và 9 nội dung phân cấp nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã năm 2025 (Có Phụ lục so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo kèm theo).

3. Điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2025 tỉnh Quảng Trị (Tờ trình số 134/TTr-UBND ngày 25/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

a) Căn cứ pháp lý, trình tự, thủ tục và thẩm quyền

Việc UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2025 tỉnh Quảng Trị phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 và Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật NSNN; Nghị quyết số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Quảng Trị năm 2025; các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 92/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 về dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi NSDP năm 2025; số 93/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 về phân bổ ngân sách địa phương năm 2025; số 106/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 về việc điều chỉnh dự toán chi NSNN năm 2025 của các cơ quan, đơn vị do sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy; các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan về tổ chức thực hiện ngân sách và sắp xếp tổ chức bộ máy sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính theo mô

hình chính quyền địa phương hai cấp. Thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 khi thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã và chuyển đổi mô hình tổ chức chính quyền địa phương sang hai cấp từ ngày 01/7/2025 nhằm bảo đảm hoạt động ổn định, hiệu quả của các đơn vị hành chính sau sắp xếp, phù hợp với mô hình tổ chức mới, không làm gián đoạn việc thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách.

b) Nguyên tắc điều chỉnh, phân bổ

- Việc điều chỉnh, phân bổ dự toán ngân sách năm 2025 phải đảm bảo đúng tổng mức và cơ cấu thu - chi ngân sách nhà nước theo lĩnh vực đã được cấp có thẩm quyền giao trước khi sắp xếp đơn vị hành chính.

- Về xác định dự toán thu, chi ngân sách cấp xã sau sắp xếp: Dự toán thu, chi ngân sách được tổng hợp theo nguyên tắc cộng gộp từ dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi ngân sách địa phương của các đơn vị hành chính cấp xã trước khi sắp xếp; đồng thời cộng thêm dự toán đã giao cho các trường mầm non, phổ thông công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp huyện hiện nay cho UBND cấp xã quản lý theo nguyên tắc trường học đang đóng trên địa bàn xã, phường nào (xã mới sau sắp xếp) thì chuyển giao cho UBND các xã, phường đó quản lý (bao gồm các Trường dân tộc nội trú cấp huyện). Riêng đối với đặc khu Côn Cỏ, giữ nguyên dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương và các khoản bổ sung từ ngân sách tỉnh như đã giao cho huyện đảo Côn Cỏ trước khi sắp xếp. Các xã, phường, đặc khu sau sắp xếp tiếp nhận nguyên trạng, đầy đủ nghĩa vụ tài chính - ngân sách của các đơn vị hành chính cũ, bao gồm: nhiệm vụ thu, chi; các khoản tạm ứng; nghĩa vụ thanh toán, các khoản nợ phải thu, phải trả; các kết luận thanh tra, kiểm toán... đang trong quá trình xử lý theo quy định.

- Toàn bộ dự toán thu ngân sách cấp huyện (bao gồm cả số thực hiện thu từ ngày 01/01/2025) được điều chuyển về ngân sách cấp tỉnh quản lý, phân bổ theo nguyên tắc của mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp. Riêng huyện đảo Côn Cỏ (đặc khu hành chính sau sắp xếp) tiếp tục giữ nguyên phương thức quản lý dự toán thu ngân sách như trước khi sắp xếp, bảo đảm phù hợp với đặc thù tổ chức bộ máy và điều kiện thực tiễn tại địa phương.

- Dự toán chi ngân sách cấp huyện điều chỉnh như sau: Nhiệm vụ chi đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí phân cấp cho cấp huyện, tiền sử dụng đất cấp huyện chuyển về cấp tỉnh. Dự toán chi ngân sách cấp huyện còn lại (trừ điểm a, b khoản 2 trên) chuyển giao về cấp tỉnh quản lý; trong đó đối với 09 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện chuyển cho Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận, quản lý và giao bổ sung dự toán ngân sách cho Sở

Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với dự toán vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (dự toán ngân sách cấp tỉnh): Các đơn vị cấp huyện đã rà soát, xác định cụ thể kinh phí của từng chương trình; tổng hợp số dự toán đã giao, đã thực hiện, còn lại chưa thực hiện; phần kinh phí chưa sử dụng tiếp tục phân bổ về cấp xã sau sắp xếp để triển khai thực hiện đúng mục tiêu. Chỉ bàn giao về ngân sách cấp tỉnh phần kinh phí không còn nhiệm vụ chi.

- Sau ngày 30/6/2025, thực hiện rà soát, cập nhật và điều chỉnh lại dự toán ngân sách các xã, phường, đặc khu khi hợp nhất dự toán ngân sách của 2 tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị; đồng thời tiếp tục điều chỉnh trong quá trình điều hành ngân sách nếu có phát sinh.

c) Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2025 sau điều chỉnh: Qua rà soát, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thông qua nội dung điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2025 tỉnh Quảng Trị như sau:

(1) Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	5.481.762.680.000 đồng
Trong đó:	
- Thu nội địa	4.381.762.680.000 đồng
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.100.000.000.000 đồng
(2) Thu ngân sách địa phương hưởng	13.546.293.296.000 đồng
Trong đó:	
- Thu NSDP hưởng theo phân cấp	4.092.775.596.000 đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	9.116.251.700.000 đồng
- Thu chuyển nguồn, kinh phí thực hiện nhiệm vụ, chính sách địa phương năm trước chuyển sang	257.491.000.000 đồng
- Nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang để thực hiện cải cách tiền lương	65.520.000.000 đồng
- Thu từ nguồn vốn viện trợ	14.255.000.000 đồng
(3) Tổng chi ngân sách địa phương	13.703.193.296.000 đồng
(4) Bội chi ngân sách địa phương	156.900.000.000 đồng
(5) Tổng mức vay ngân sách địa phương	184.900.000.000 đồng
- Vay để bù đắp bội chi ngân sách địa phương	156.900.000.000 đồng
- Vay để trả nợ gốc	28.000.000.000 đồng
(6) Trả nợ gốc các khoản vay	28.000.000.000 đồng

- Từ nguồn vay trả nợ gốc

28.000.000.000 đồng

Phần 3. Danh mục Khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm nhà ở thương mại trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất

1. Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm nhà ở thương mại trên địa bàn tỉnh năm 2025 (Tờ trình số 105/TTr-UBND ngày 10/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

a) Cơ sở pháp lý

Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm nhà ở thương mại trên địa bàn tỉnh năm 2025 trình kỳ họp HĐND tỉnh lần này là Dự án Khu dân cư Nam sông Hiếu, Phường 4, thành phố Đông Hà xác định đã phù hợp với Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030⁸; điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đông Hà đến năm 2045⁹; quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các khu chức năng hai bờ sông Hiếu, thành phố Đông Hà¹⁰; điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường 4¹¹. Dự án nằm trong Chương trình phát triển phát triển nhà ở tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2030, định hướng đến 2045, trước đây thực hiện các thủ tục đầu tư đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo tiêu chí Luật Xây dựng năm 2014, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ sửa đổi tại nghị định 35/2025/NĐ-CP ngày 20/6/2023¹², đã có ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại văn bản số 1613-CV/TU ngày 22/7/2024. Nhưng do dự án không đáp ứng điều kiện theo khoản 1, Điều 126 Luật Đất đai năm 2024 và khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị định 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất. Vì vậy, tại kỳ họp lần này UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua theo cơ chế của Nghị quyết số 171/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội về thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất, Nghị định số 75/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 171/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội là phù hợp.

b) Thẩm quyền

⁸ Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ;

⁹ Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 của UBND tỉnh

¹⁰ Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 01/4/2020 của UBND tỉnh, Điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND tỉnh

¹¹ Tại Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 của UBND thành phố Đông Hà;

¹² Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị có nhà ở là dự án dự án được đầu tư xây dựng đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, hình thành từ một đơn vị ở trở lên theo QH xây dựng được phê duyệt hoặc dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 ha trở lên đối với trường hợp QHXD không xác định được đơn vị ở.

Dự án Khu dân cư Nam sông Hiếu, Phường 4, thành phố Đông Hà đề nghị HĐND tỉnh thông qua cơ chế thí điểm nhà ở thương mại trên địa bàn tỉnh năm 2025 **theo hình thức thỏa thuận về nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất** của nhà đầu thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh theo điểm d¹³, khoản 1 Điều 4 và khoản 2¹⁴ Điều 4 của Nghị quyết số 171/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội; khoản 10¹⁵ Điều 4 Nghị định số 75/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ.

c) Nội dung, kiến nghị

Hồ sơ đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm nhà ở thương mại trên địa bàn tỉnh năm 2025 thông qua hình thức thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất quy định tại Nghị quyết số 171/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội, Nghị định số 75/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ trình kỳ họp HĐND tỉnh lần này là Dự án Khu dân cư Nam sông Hiếu, Phường 4, thành phố Đông Hà với quy mô diện tích 9,94 ha do Công ty Cổ phần Hawee Parkland Đông Hà làm chủ đầu tư với tổng mức đầu tư dự kiến 751,9 tỷ đồng; thời gian, tiến độ thực hiện dự án từ năm 2025 - 2030 đảm bảo các điều kiện trình HĐND tỉnh thông qua và đã có ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Văn bản số 2177-CV/TU ngày 25/6/2025 (Do thay đổi hình thức thực hiện dự án theo cơ chế thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất tại Nghị quyết 171/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội và Nghị định 75/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ (thay thế cơ chế đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai năm 2024 và nghị định số 115/2025/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ)). Đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua.

2. Danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (đợt 3) (Tờ trình số 120/TTr-UBND ngày 22/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

a) Căn cứ pháp lý và thẩm quyền

Việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (Đợt 3) phù hợp với các quy định của pháp luật, các văn bản hướng dẫn hiện hành. UBND tỉnh

¹³. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết này, khu đất thực hiện dự án thí điểm phải không thuộc danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất được HĐND cấp tỉnh thông qua theo quy định tại khoản 5 Điều 72 của Luật Đất đai

¹⁴. UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh thông qua danh mục khu đất thực hiện thí điểm không phải thuộc danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất được HĐND cấp tỉnh thông qua theo quy định tại khoản 5 Điều 72 của Luật Đất đai

¹⁵. UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp thông qua Nghị quyết ban hành danh mục khu đất dự kiến thực hiện thí điểm quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 171/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội

giao Sở Tài chính có văn bản lấy ý kiến các sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã đề xuất danh mục các khu đất; trên cơ sở tổng hợp đề xuất của các đơn vị; ý kiến tham gia của Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham gia đã được cơ quan soạn thảo tổng hợp, tiếp thu và hoàn thiện. Đúng thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh quy định tại điểm a¹⁶, khoản 1, điểm b¹⁷ khoản 1 và khoản 4¹⁸ Điều 126 Luật Đất đai 2024 và điểm i¹⁹ khoản 2, điểm b²⁰ khoản 3 Điều 4 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ, là điều kiện để đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất theo điểm a và điểm b khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai 2024 và triển khai các thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu và quy định pháp luật có liên quan.

b) Nội dung

Hồ sơ danh mục khu đất thực hiện đấu thầu dự án có sử dụng đất (đợt 3) gồm 15 khu đất bổ sung và 04 khu đất điều chỉnh đảm bảo các điều kiện trình HĐND tỉnh thông qua và đã có ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Văn bản số 2177-CV/TU ngày 25/6/2025. Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua như sau:

- 03 Khu đất thực hiện dự án đô thị, khu dân cư theo điểm a khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai năm 2024 và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP và các tiêu chí tại Nghị quyết số 109/2024/NQ-HĐND²¹ gồm:

(1) Khu đô thị sinh thái Nam sông Hiếu, phường Đông Lễ với diện tích 65 ha, thời gian thực hiện năm 2025-2030 tại Phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà:

(2) Khu đô thị Nghĩa Hy, thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ với diện tích 149,55 ha, thời gian thực hiện năm 2025-2025 tại thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ:

¹⁶ . Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất trong các trường hợp sau đây: a) Dự án được quy định tại khoản 27 Điều 79 của Luật này được HĐND cấp tỉnh quyết định việc giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất. HĐND cấp tỉnh quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

¹⁷ . Dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất tại Điều 79 của Luật này và không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này mà thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.

¹⁸ . Dự án đầu tư có sử dụng đất quy định tại điểm b khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện để đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư quy định tại khoản 3 Điều này và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực;

¹⁹ . Dự án đầu tư xây dựng công trình năng lượng thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật về điện lực khi có từ 02 nhà đầu tư quan tâm cùng đăng ký thực hiện

²⁰ . Thuộc danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất được HĐND cấp tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật về đất đai.

²¹ . Quy định tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất xây dựng khu đô thị, khu dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh

(3) Khu dân cư Phan Xá Phường, xã Cam Thành, huyện Cam Lộ với diện tích 55,31 ha, thời gian thực hiện năm 2025-2025 tại Cam Thành, huyện Cam Lộ.

- 11 Khu đất điện gió, Khu phức hợp thể thao Tây đô và 04 khu đất điện gió điều chỉnh tăng thêm quy mô thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai năm 2024 và khoản 2 Điều 4 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP, gồm 12 khu đất như sau:

(1) Nhóm các Khu đất dự án điện gió: Qua rà soát các quy định của pháp luật, khảo sát thực địa của 15 dự án điện gió lần này, các dự án Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025. Trong 15 dự án: Có **04 dự án** được bổ sung tăng thêm quy mô công suất 92 MW là những dự án đã được HĐND tỉnh ban hành danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị tại Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 04/4/2025, bao gồm: (1) Dự án NMĐG SCI Tân Thành (tăng thêm 12MW), (2) Dự án NMĐG Hưng Bắc tăng thêm 40MW), (3) Dự án NMĐG Đức Thắng 2 (tăng thêm 20MW) và (4) Dự án NMĐG TK Power (tăng thêm 20 MW) trình lại HĐND tỉnh bổ sung danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án có sử dụng đất với diện tích sử dụng đất vùng dự án tăng thêm 57,8 ha (*đất có thời hạn (0,35 ha/MW) là 32,2 ha và diện tích đất tạm thời 0,3 ha/MW là 25,6 ha*); **11 dự án** điện gió mới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bổ sung với tổng công suất 446 MW, diện tích sử dụng đất 289,9 ha (*đất có thời hạn (0,35 ha/MW) là 156,1 ha và diện tích đất tạm thời 0,3 ha/MW là 133,8 ha,*) bằng mức tối đa quy định tại Điều 12 Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BCT ngày 21/02/2023 của Bộ Công thương quy định thực hiện phát triển dự án điện gió.

Các dự án do UBND tỉnh đề xuất và sự đồng bộ về các quy hoạch có liên quan, tổng diện tích đất quy hoạch phát triển các dự án điện năng lượng Quảng Trị theo Quyết định số 1737/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Trị là 4.946 ha; trong đó, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện Hướng Hóa đến năm 2030 tại Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 16/3/2025 của UBND tỉnh là 2.213,47 ha, bằng diện tích Quy hoạch tỉnh đã quyết định trên địa bàn huyện Hướng Hóa. Kết quả thực hiện Quy hoạch sử dụng đất năng lượng đến ngày 17/3/2025 tại địa bàn huyện Hướng Hóa là 414,51 ha; trên địa bàn huyện Hướng Hóa còn dự địa đất năng lượng để phát triển các dự án trên địa bàn huyện Hướng Hóa để thực hiện các dự án điện gió đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025.

Các dự án điện gió đề xuất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự

án có sử dụng đất đã phù hợp với Quy hoạch tỉnh đến năm 2030; quy hoạch điều chỉnh sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030 của các huyện Hướng Hóa, Đakrông và huyện Cam Lộ. Các đơn vị khảo sát dự án điện gió²² **cam kết khi thực hiện dự án sẽ bóc tách phần diện tích** chồng lấn lên dự án điện gió khác đề xuất trong giai đoạn khảo sát, đã được UBND tỉnh phê duyệt bổ sung tích hợp vào Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hướng Hóa tại Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 16/3/2025.

(2) Khu phức hợp thể thao Tây Đô, diện tích sử dụng đất 0,5 ha, thời gian thực hiện năm 2025-2026 tại xã Gio Sơn, huyện Gio Linh: Dự án thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 17 Điều 79 Luật Đất đai năm 2024 và thuộc trường hợp đấu thầu dự án có sử dụng đất quy định tại điểm e, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP. Khu đất thực hiện dự án phù hợp với Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Gio Linh được phê duyệt tại Quyết định số 972/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của UBND tỉnh.

Phần 4. Thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất - rừng

1. Danh mục dự án cần thu hồi đất, dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, rừng phòng hộ vào các mục đích khác (Tờ trình số 106/TTr-UBND ngày 10/6/2025 của UBND tỉnh và Văn bản số 2845/TTr-UBND ngày 24/6/2025, số 2884/UBND-KT ngày 25/6/2025 của UBND tỉnh về bổ sung danh mục dự án tại Tờ trình số 106/TTr-UBND ngày 10/6/2025 của UBND tỉnh)

a) Căn cứ pháp lý, trình tự, thủ tục

Danh mục các dự án đề nghị thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất do UBND tỉnh trình đảm bảo đầy đủ các điều kiện để HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp theo quy định tại Điều 67, khoản 5 Điều 72, Điều 79, Điều 122 và khoản 3 Điều 252 Luật Đất đai năm 2024, Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Đầu tư năm 2020, năm 2024 các văn bản hướng dẫn hiện hành. Các dự án được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Quy hoạch tỉnh Quảng Trị theo Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Các chủ đầu tư đã tiếp thu hoàn thiện hồ sơ dự án theo ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách trong quá trình làm việc và khảo sát thực tế; được UBND cấp huyện và các sở, ngành, đơn vị đề xuất bằng văn bản, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

²² . (1) Nhà máy điện gió My Anh- Quảng Trị 1 tại địa bàn xã Tân Hợp, huyện Hướng Hóa và xã Đakrông, huyện Đakrông cam kết tại văn bản số 05/CV-MAKS ngày 17/6/2025 về phạm vi khu đất DA Nhà máy điện gió My Anh Quảng Trị 1 và (2) Nhà máy điện gió SCI Ba Tầng 1 tại địa bàn xã Ba Tầng, Húc huyện Hướng Hóa, xã Ba Nang huyện Đakrông tại Văn bản số 54/2025/CV-SCI-ĐTĐT ngày 17/06/2025 của CTCP SCI được Sở NN&MT tham gia tại Văn bản số 2256/SNNMT-QLĐĐ&ĐĐBĐ ngày 04/6/2025; số 2256/SNNMT-QLĐĐ&ĐĐBĐ ngày 04/6/2025

b) Nội dung

Qua rà soát, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh chấp thuận chủ trương thu hồi 444,76 ha đất để thực hiện 28 dự án tại 08 địa phương trong tỉnh; chuyển mục đích sử dụng đất 776,56 ha (Đất trồng lúa 7,79 ha, đất rừng phòng hộ 3,26 ha, đất rừng sản xuất 765,51 ha) để thực hiện 41 dự án tại 08 địa phương theo đề nghị của UBND tỉnh trình tại kỳ họp.

c) Kiến nghị HĐND tỉnh

Cho phép điều chỉnh lại thông tin chủ đầu tư, địa điểm thực hiện, diện tích cụ thể của từng dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với hồ sơ dự án và thực tế dự án dự kiến thực hiện so với Tờ trình của UBND tỉnh khi ban hành nghị quyết gồm các dự án sau: (1) Trạm biến áp 500Kv Lao Bảo (Hương Hóa) và đường dây 220Kv đấu nối do Ban Quản lý dự án điện 1 làm chủ đầu tư tại thị trấn Khe Sanh và xã Tân hợp thuộc huyện Hương Hóa với diện tích 22,4 ha; (2) Dự án Khai thác khoáng sản làm vật liệu san lấp địa điểm tại xã Phong Bình thuộc huyện Gio Linh; (3) Dự án Trang trại chăn nuôi lợn công nghệ cao khép kín Vĩnh Hà 1 với diện tích 24,74 ha; (4) Dự án Trang trại chăn nuôi lợn công nghệ cao khép kín Vĩnh Hà 2 với diện tích 25,6 ha; (5) Bổ sung địa điểm thực hiện cụ thể đối với nhóm dự án nằm trên địa bàn huyện Cam Lộ gồm: Trạm biến áp 500Kv Lao Bảo (Hương Hóa) và đường dây 220Kv; Trang trại Nam Hiếu; Trang trại Nam Hiếu 1.

UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, địa phương, tổ chức có liên quan rà soát trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh chủ trương đầu tư/giấy chứng nhận đầu tư (sắp hết hạn) của một số dự án đầu tư để phù hợp với tiến độ và khả năng thực hiện dự án theo cam kết khi giao đất, thuê đất.

Thực hiện tích hợp, cập nhập các dự án đồng bộ với các quy hoạch, kế hoạch theo quy định mới về thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai quy định tại Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 trong quá trình tổ chức thu hồi đất, GPMB, giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án.

2. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh (Tờ trình số 101/TTr-UBND ngày 09/6/2025 và Văn bản số 2846/UBND-KT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh)

a) Cơ sở pháp lý, thẩm quyền, hồ sơ thủ tục

Việc đề nghị HĐND tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh trình tại kỳ họp phù hợp quy định tại khoản 21, Điều 1 của Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính

Việc đề nghị HĐND tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh trình tại kỳ họp phù hợp quy định tại khoản 21, Điều 1 của Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Điều 248 Luật Đất đai số 31/2014/QH15 và thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh; tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư, Luật Lâm nghiệp và các quy định của pháp luật chuyên ngành. Các dự án đảm bảo một trong các điều kiện về phù hợp với Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng cấp huyện được có thẩm quyền phê duyệt; hồ sơ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, kế hoạch vốn thực hiện, đã được thẩm định chủ trương CMĐSDR của Sở Nông nghiệp và Môi trường đủ điều kiện trình HĐND tỉnh. Riêng đối với Dự án Đầu tư khai thác và chế biến quặng titan sa khoáng (đợt 2) với diện tích 2,1169 ha tại xã Trung Giang, huyện Gio Linh đã đầy đủ hồ sơ thủ tục và đã có ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Văn bản số 2177-CV/TU ngày 25/6/2025.

b) Nội dung: Qua rà soát, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện **19 dự án**, với **tổng diện tích là 147,015 ha** (Trong đó: Diện tích rừng trồng phòng hộ 53,136 ha, diện tích rừng trồng sản xuất là 93,5325ha; ngoài quy hoạch 3 loại rừng đã cấp giấy 0,3465 ha) theo đề nghị của UBND tỉnh trình tại kỳ họp.

c) Kiến nghị HĐND tỉnh

Giao UBND tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện CMĐSD rừng chịu trách nhiệm về các thông tin, tính pháp lý, sự chính xác của số liệu, hợp lệ của hồ sơ và các nội dung liên quan đến dự án; chỉ đạo thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, giao đất, cho thuê đất, trồng rừng thay thế, xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật, không được làm thất thoát tài sản đất, rừng; kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện dự án, không để xảy ra khiếu kiện phức tạp, gây mất trật tự xã hội.

Phần 5. Các dự thảo nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh được phân công thẩm tra 13 dự thảo nghị quyết cá biệt, 01 dự thảo nghị quyết quy phạm pháp luật. Các nội dung thẩm tra đã nêu tại Báo cáo này, khi được Chủ tọa kỳ họp kết luận thống nhất đề nghị bổ sung vào nghị quyết của HĐND tỉnh.

Báo cáo này thay thế Báo cáo số 67/BC-HĐND ngày 25/6/2025 của Ban Kinh

tế - Ngân sách; kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Đại biểu dự họp;
- Lưu: Ban KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Đăng Ánh

PHỤ LỤC I

PHÂN CẤP NGUỒN THU, TỶ LỆ PHÂN TRĂM (%) PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 68/BC-UBND ngày 25/6/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách)

I. CÁC KHOẢN THU HƯỞNG 100%

STT	Tên các khoản thu	Nghị quyết số 151/2021/NQ- HĐND ngày 09/12/2021			Phân cấp, tỷ lệ phân chia nguồn thu dự thảo điều chỉnh		
		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
						Ngân sách đặc khu	Ngân sách phường, xã
1	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán, bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế	100%			100%		
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình			100%			
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ các đối tượng còn lại		100%				
	- Địa bàn Đặc khu Côn Cỏ					100%	
	- Địa bàn xã, phường:						
	+ Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						100%
	+ Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ các đối tượng còn lại				100%		
3	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước (không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí), bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế						
3.1	Thu tiền cho thuê đất tại các Khu công nghiệp, Khu thương mại do tỉnh quản lý (bao gồm tiền thuê đất trả tiền hàng năm và tiền thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê)	100%			100%		
3.2	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước còn lại:						
	- Địa bàn Đặc khu Côn Cỏ:						
	+ Trả tiền thuê đất hàng năm		100%			100%	
	+ Trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê	70%	30%		70%	30%	
	- Địa bàn phường, xã				100%		
4	Thu tiền cho thuê nhà và bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước						
	- Nhà thuộc sở hữu Nhà nước do cấp tỉnh quản lý	100%					
	- Nhà thuộc sở hữu Nhà nước do cấp huyện quản lý		100%				
4	Thu tiền cho thuê nhà và bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước				100%		
5	Thu bán tài sản công, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp mà có vốn ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc địa phương quản lý (*)						
	- Thu từ bán tài sản nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý	100%					
	- Thu từ bán tài sản nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện, cấp xã quản lý		100%				
	- Thu từ bán tài sản nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Đặc khu Côn Cỏ quản lý					100%	

STT	Tên các khoản thu	Nghị quyết số 151/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021			Phân cấp, tỷ lệ phân chia nguồn thu dự thảo điều chỉnh		
		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
						Ngân sách đặc khu	Ngân sách phường, xã
	- Thu từ bán tài sản nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương còn lại quản lý				100%		
6	Thu từ xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc địa phương xử lý, sau khi trừ đi chi phí theo quy định của pháp luật:						
	- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh xử lý	100%			100%		
	- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện xử lý		100%				
	- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Đặc khu Cần Cỏ xử lý					100%	
	- Phường, xã xử lý			100%			100%
7	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh (hoặc do các cơ quan cấp tỉnh) đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh (hoặc do các cơ quan cấp tỉnh) đại diện chủ sở hữu	100%			100%		
8	Thu từ Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh	100%			100%		
9	Phí (không bao gồm phí bảo vệ môi trường) thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập địa phương và doanh nghiệp nhà nước địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại theo quy định của pháp luật; Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu theo quy định (không bao gồm lệ phí môn bài và lệ phí trước bạ)						
	- Đơn vị cấp tỉnh quản lý và thực hiện thu	100%					
	- Đơn vị cấp huyện quản lý và thực hiện thu		100%				
	- Đơn vị cấp xã quản lý và thực hiện thu			100%			
	- Cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý và tổ chức thực hiện thu				100%		
	- Cơ quan, đơn vị thuộc Đặc khu Cần Cỏ quản lý và tổ chức thực hiện thu					100%	
	- Cơ quan, đơn vị thuộc phường, xã quản lý và tổ chức thực hiện thu						100%
10	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải, khai thác khoáng sản (phần địa phương hưởng)						
	- Đơn vị cấp tỉnh quản lý và tổ chức thu	100%					
	- Đơn vị thuộc cấp huyện quản lý và tổ chức thu		100%				
	- Đơn vị thuộc cấp xã quản lý và tổ chức thu			100%			
	- Cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh; tổ chức, doanh nghiệp do Chi cục Thuế, Đội Thuế quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu				100%		
	- Cơ quan, đơn vị thuộc Đặc khu Cần Cỏ; tổ chức, doanh nghiệp do Đội Thuế quản lý và tổ chức thực hiện thu					100%	

STT	Tên các khoản thu	Nghị quyết số 151/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021			Phân cấp, tỷ lệ phân chia nguồn thu dự thảo điều chỉnh		
					Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Ngân sách đặc khu	Ngân sách phường, xã
	- Cơ quan, đơn vị thuộc phường, xã; hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh do Đội Thuế quản lý và tổ chức thực hiện thu						100%
11	Thuế bảo vệ môi trường (trừ thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu), bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế	100%			100%		
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác			100%			
	- Địa bàn Đặc khu Côn Cỏ					100%	
	- Địa bàn phường, xã						100%
13	Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật						
	- Cấp tỉnh huy động	100%			100%		
	- Cấp huyện huy động		100%				
	- Đặc khu Côn Cỏ huy động					100%	
	- Phường, xã huy động			100%			100%
14	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước						
	- Đóng góp cho tỉnh	100%			100%		
	- Đóng góp cho huyện, thị xã, thành phố		100%				
	- Đóng góp cho Đặc khu Côn Cỏ					100%	
	- Đóng góp cho phường, xã			100%			100%
15	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu						
	- Các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu	100%			100%		
	- Các cơ quan nhà nước cấp huyện quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu		100%				
	- Các cơ quan nhà nước Đặc khu Côn Cỏ quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu					100%	
	- Các cơ quan nhà nước phường, xã quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu			100%			100%
16	Thu kết dư ngân sách năm trước						
	- Ngân sách cấp tỉnh	100%			100%		
	- Ngân sách cấp huyện		100%				
	- Ngân sách Đặc khu Côn Cỏ					100%	
	- Ngân sách phường, xã			100%			100%
17	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên						
	- Ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh	100%			100%		
	- Ngân sách tỉnh bổ sung cho ngân sách cấp huyện		100%				
	- Ngân sách huyện bổ sung cho ngân sách cấp xã			100%			
	- Ngân sách tỉnh bổ sung cho ngân sách Đặc khu Côn Cỏ					100%	
	- Ngân sách tỉnh bổ sung cho ngân sách phường, xã			100%			100%
18	Thu chuyển nguồn ngân sách từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau						
	- Chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh	100%			100%		
	- Chuyển nguồn ngân sách cấp huyện		100%				
	- Chuyển nguồn ngân sách Đặc khu Côn Cỏ					100%	
	- Chuyển nguồn ngân sách phường, xã			100%			100%
19	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật						

STT	Tên các khoản thu	Nghị quyết số 151/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021			Phân cấp, tỷ lệ phân chia nguồn thu dự thảo điều chỉnh		
		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
						Ngân sách đặc khu	Ngân sách phường, xã
	- Viện trợ cho cấp tỉnh	100%			100%		
	- Viện trợ cho cấp huyện		100%				
	- Viện trợ cho Đặc khu Côn Cỏ					100%	
	- Viện trợ cho phường, xã			100%			100%
20	Tiền bồi thường cho Nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai; bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất						
	- Đất thuộc tỉnh quản lý	100%			100%		
	- Đất thuộc cấp huyện quản lý		100%				
	- Đất thuộc Đặc khu Côn Cỏ					100%	
	- Đất thuộc phường, xã quản lý			100%			100%
21	Tiền sử dụng khu vực biển đối với trường hợp giao khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của địa phương						
	- Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh ra quyết định giao khu vực biển	100%			100%		
	- Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện ra quyết định giao khu vực biển		100%				
	- Ủy ban nhân dân Đặc khu Côn Cỏ hoặc cơ quan quản lý nhà nước Đặc khu Côn Cỏ ra quyết định giao khu vực biển					100%	
	- Ủy ban nhân dân phường, xã hoặc cơ quan quản lý nhà nước phường, xã ra quyết định giao khu vực biển			100%			100%
22	Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa	100%			100%		
23	Vay bù đắp bội chi ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển theo Khoản 6 Điều 7 của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015	100%			100%		
24	Tiền chậm nộp các khoản khác còn lại do các ngành quản lý						
	- Đối với tiền chậm nộp các khoản thu ngân sách địa phương còn lại						
	+ Cấp tỉnh quản lý thu	100%			100%		
	+ Cấp huyện quản lý thu		100%				
	+ Đặc khu Côn Cỏ quản lý thu					100%	
	+ Phường, xã quản lý thu			100%			100%
	- Các khoản thu tiền chậm nộp do đơn vị thuộc cấp trung ương quản lý nộp ngân sách nhưng ngân sách địa phương được hưởng	100%			100%		
25	Các khoản thu khác của ngân sách theo quy định của pháp luật						
	- Đơn vị cấp tỉnh quản lý, nộp ngân sách	100%			100%		
	- Đơn vị cấp huyện quản lý, nộp ngân sách		100%				
	- Đơn vị thuộc Đặc Côn Cỏ quản lý, nộp ngân sách					100%	
	- Đơn vị thuộc phường, xã quản lý, nộp ngân sách			100%			100%

(*) Riêng tiền thu được từ xử lý tài sản công, tiền thu được từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong trường hợp quyền sử dụng đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng hoặc thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê mà số tiền đã trả không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý, sử dụng tài sản công; áp dụng quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách đối với khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật hiện hành.

II. CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA THEO TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%)

STT	Tên các khoản thu	Nghị quyết số 151/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021			Phân cấp, tỷ lệ phân chia nguồn thu dự thảo điều chỉnh		
		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
						Ngân sách đặc khu	Ngân sách phường, xã
1	Thuế giá trị gia tăng (không kể thuế GTGT hàng hóa nhập khẩu và thuế GTGT thu từ hoạt động xổ số kiến thiết; thuế GTGT do doanh nghiệp ngoại tỉnh phân bổ hoặc kê khai nộp thuế cho ngân sách tỉnh đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản và hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh quy định tại khoản 12 mục II Phụ lục 01), bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế						
	- Thuế GTGT thu từ các doanh nghiệp nhà nước trung ương và địa phương quản lý (doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết); doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100%			100%		
	- Thuế GTGT của doanh nghiệp có vốn góp của nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống; doanh nghiệp ngoài quốc doanh; doanh nghiệp tư nhân; đơn vị sự nghiệp và hợp tác xã hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã						
	+ Cục Thuế quản lý thu	100%					
	+ Chi cục Thuế quản lý thu		100%				
	+ Chi cục Thuế quản lý thu; Đội Thuế quản lý thu đối với địa bàn phường, xã				100%		
	+ Đội Thuế quản lý thu đối với địa bàn Đặc khu Cần Cỏ					100%	
	- Thuế GTGT thu từ hộ gia đình, cá nhân:						
	+ Thu tại các chợ trung tâm huyện, thị xã, thành phố		100%				
	+ Thu trên địa bàn phường, thị trấn		50%	50%			
	+ Thu trên địa bàn xã		30%	70%			
	- Thuế GTGT thu từ hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn Đặc khu Cần Cỏ					100%	
	- Thuế GTGT thu từ hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn phường, xã						
	+ Thu tại chợ trung tâm		100%		100%		
	+ Thu trên địa bàn phường (không gồm chợ trung tâm)		50%	50%	50%		50%
	+ Thu trên địa bàn xã (không gồm chợ trung tâm)		30%	70%	30%		70%
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp (không kể thuế TNDN của các đơn vị hạch toán toàn ngành và thuế TNDN thu từ hoạt động xổ số kiến thiết; thuế TNDN do doanh nghiệp ngoại tỉnh phân bổ hoặc kê khai nộp thuế cho ngân sách tỉnh đối với hoạt động kinh doanh bất động sản quy định tại khoản 12 mục II Phụ lục 01), bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế						
	- Thuế TNDN thu từ các doanh nghiệp nhà nước trung ương và địa phương quản lý (doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết); doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100%			100%		
	- Thuế TNDN của doanh nghiệp có vốn góp của nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống; doanh nghiệp ngoài quốc doanh; doanh nghiệp tư nhân; đơn vị sự nghiệp và hợp tác xã hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã						

STT	Tên các khoản thu	Nghị quyết số 151/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021			Phân cấp, tỷ lệ phân chia nguồn thu dự thảo điều chỉnh		
		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
						Ngân sách đặc khu	Ngân sách phường, xã
	+ Cục Thuế quản lý thu	100%					
	+ Chi cục Thuế quản lý thu		100%				
	+ Chi cục Thuế quản lý thu; Đội Thuế quản lý thu đối với địa bàn phường, xã				100%		
	+ Đội Thuế quản lý thu đối với địa bàn Đặc khu Cần Cỏ					100%	
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước (không kể thuế TTĐB hàng hóa nhập khẩu và thuế TTĐB thu từ hoạt động xổ số kiến thiết), bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế						
	- Thuế TTĐB thu từ các doanh nghiệp nhà nước trung ương và địa phương quản lý (doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết); doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100%			100%		
	- Thuế TTĐB của doanh nghiệp có vốn góp của nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống; doanh nghiệp ngoài quốc doanh; doanh nghiệp tư nhân; đơn vị sự nghiệp và hợp tác xã hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; Luật Hợp tác xã		100%				
	+ Cục Thuế quản lý thu	100%					
	+ Chi cục Thuế quản lý thu		100%				
	- Thuế TTĐB của doanh nghiệp có vốn góp của nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống; doanh nghiệp ngoài quốc doanh; doanh nghiệp tư nhân; đơn vị sự nghiệp và hợp tác xã hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; Luật Hợp tác xã						
	+ Chi cục Thuế quản lý thu; Đội Thuế quản lý thu đối với địa bàn phường, xã				100%		
	+ Đội Thuế quản lý thu đối với địa bàn Đặc khu Cần Cỏ					100%	
	- Thuế TTĐB thu từ hộ gia đình, cá nhân		30%	70%			
	- Thuế TTĐB thu từ hộ gia đình, cá nhân:						
	+ Địa bàn Đặc khu Cần Cỏ					100%	
	+ Địa bàn phường, xã				30%		70%
4	Thuế thu nhập cá nhân, bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế						
4.1	Thuế thu nhập cá nhân từ trúng thưởng xổ số kiến thiết, xổ số điện toán và thuế thu nhập từ trúng thưởng khác	100%			100%		
4.2	Thuế thu nhập cá nhân (không kể thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động xổ số kiến thiết)						
	a) Cục Thuế quản lý thu	100%					
	b) Chi cục Thuế quản lý thu:						
	- Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và nhận quà tặng từ bất động sản		50%	50%			
	- Thuế thu nhập cá nhân từ các cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ						
	+ Thu tại các chợ trung tâm huyện, thị xã, thành phố		100%				
	+ Trên địa bàn phường		50%	50%			
	+ Trên địa bàn xã, thị trấn		30%	70%			
	- Thuế thu nhập cá nhân còn lại		100%				
	a) Chi Cục Thuế quản lý thu				100%		
	b) Đội thuế Đặc khu Cần Cỏ quản lý thu					100%	
	c) Đội Thuế quản lý thu đối với địa bàn phường, xã:						
	- Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và nhận quà tặng từ bất động sản		50%	50%	50%		50%

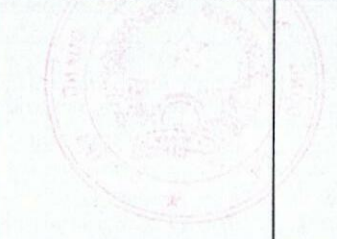
STT	Tên các khoản thu	Nghị quyết số 151/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021			Phân cấp, tỷ lệ phân chia nguồn thu dự thảo điều chỉnh		
		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
						Ngân sách đặc khu	Ngân sách phường, xã
	- Thuế thu nhập cá nhân từ các cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ:						
	+ Thu tại các chợ trung tâm		100%		100%		
	+ Trên địa bàn phường		50%	50%	50%		50%
	+ Trên địa bàn xã		30%	70%	30%		70%
	- Thuế thu nhập cá nhân còn lại		100%		100%		
5	Thuế tài nguyên (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí), bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế						
	- Thuế tài nguyên thu từ các doanh nghiệp nhà nước trung ương và địa phương quản lý (doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết); doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100%			100%		
	- Thuế tài nguyên của doanh nghiệp có vốn góp của nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống; doanh nghiệp ngoài quốc doanh; doanh nghiệp tư nhân; đơn vị sự nghiệp và hợp tác xã hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã						
	+ Cục Thuế quản lý thu	100%					
	+ Chi cục Thuế quản lý thu		100%				
	+ Chi cục Thuế quản lý thu; Đội Thuế quản lý thu đối với địa bàn phường, xã				100%		
	+ Đội Thuế quản lý thu đối với địa bàn Đặc khu Cần Cỏ					100%	
	- Thuế tài nguyên thu từ hộ gia đình, cá nhân		30%	70%			
	- Thuế tài nguyên thu từ hộ gia đình, cá nhân:					100%	
	+ Trên địa bàn Đặc khu Cần Cỏ						
	+ Trên địa bàn phường, xã				30%		70%
6	Lệ phí môn bài						
	- Lệ phí môn bài thu từ các doanh nghiệp nhà nước trung ương và địa phương quản lý (doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết); doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100%			100%		
	- Lệ phí môn bài thu từ doanh nghiệp có vốn góp của nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống; doanh nghiệp ngoài quốc doanh; doanh nghiệp tư nhân; đơn vị sự nghiệp và hợp tác xã hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã:						
	+ Cục Thuế quản lý	100%					
	+ Chi cục Thuế quản lý		100%				
	+ Chi cục Thuế quản lý thu; Đội Thuế quản lý thu đối với địa bàn phường, xã				100%		
	+ Đội Thuế quản lý thu đối với địa bàn Đặc khu Cần Cỏ					100%	
	- Lệ phí môn bài thu từ hộ gia đình, cá nhân:						
	+ Thu tại các chợ trung tâm huyện, thị xã, thành phố		100%				
	+ Trên địa bàn phường thuộc thành phố		50%	50%			
	+ Trên địa bàn xã, phường thuộc thị xã; xã, thị trấn thuộc huyện		30%	70%			
	- Lệ phí môn bài thu từ hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn Đặc khu Cần Cỏ					100%	
	- Lệ phí môn bài thu từ hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn phường, xã						
	+ Thu tại các chợ trung tâm				100%		
	+ Trên địa bàn Phường Đông Hà, Phường Nam Đông Hà (không gồm chợ trung tâm)				50%		50%
	+ Trên địa bàn Phường Quảng Trị; xã				30%		70%
7	Lệ phí trước bạ						

STT	Tên các khoản thu	Nghị quyết số 151/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021			Phân cấp, tỷ lệ phân chia nguồn thu dự thảo điều chỉnh		
		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
						Ngân sách đặc khu	Ngân sách phường, xã
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất						
	+ Thành phố Đông Hà		50%	50%			
	+ Thị xã Quảng Trị, các huyện còn lại		30%	70%			
	- Lệ phí trước bạ còn lại		100%				
7.1	Trên địa bàn Đặc khu Côn Cỏ					100%	
7.2	Trên địa bàn phường, xã						
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất:						
	+ Phường Đông Hà, Phường Nam Đông Hà				50%		50%
	+ Phường Quảng Trị, Đặc khu Côn Cỏ, xã				30%		70%
	- Lệ phí trước bạ còn lại				100%		
8	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
	- Thành phố Đông Hà		50%	50%			
	- Thị xã Quảng Trị, các huyện còn lại			100%			
	- Phường Đông Hà, Phường Nam Đông Hà				50%		50%
	- Đặc khu Côn Cỏ					100%	
	- Phường Quảng Trị; xã						100%
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, bao gồm tiền chậm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
	- Giấy phép do cơ quan trung ương cấp (phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định)	30%	70%				
	- Giấy phép do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp (hoặc cơ quan địa phương cấp phép theo thẩm quyền)	30%	70%				
	- Trên địa bàn Đặc khu Côn Cỏ:						
	+ Giấy phép do cơ quan trung ương cấp (phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định)				30%	70%	
	+ Giấy phép do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp (hoặc cơ quan địa phương cấp phép theo thẩm quyền)				30%	70%	
	- Trên địa bàn phường, xã:						
	+ Giấy phép do cơ quan trung ương cấp (phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định)				100%		
	+ Giấy phép do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp (hoặc cơ quan địa phương cấp phép theo thẩm quyền)				100%		
10	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, bao gồm tiền chậm nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước						
	- Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với giấy phép do cơ quan trung ương cấp phép (phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định)	100%			100%		
	- Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với giấy phép do cơ quan địa phương cấp phép	100%			100%		
11	Thu tiền sử dụng đất						
	- Tỉnh thu (thuộc thẩm quyền cấp tỉnh)	100%					
	- Huyện, thị xã, thành phố thu (thuộc thẩm quyền cấp huyện)	5%	95%				
11	Thu tiền sử dụng đất				100%		
12	Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp do doanh nghiệp ngoại tỉnh phân bổ hoặc kê khai nộp thuế cho ngân sách tỉnh đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản và hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh (**)	70%	30%				
	- Trên địa bàn Đặc khu Côn Cỏ				70%	30%	
	- Trên địa bàn phường, xã				100%		

(**) Đối với công trình xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước: Trường hợp công trình triển khai thực hiện liên huyện (công trình, hạng mục công trình xây dựng nằm trên nhiều địa bàn cấp huyện) thì xác định doanh thu công trình chi tiết theo từng huyện, thành phố, thị xã để thực hiện phân bổ phần ngân sách cấp huyện hưởng (30%) cho từng huyện, thành phố, thị xã tương ứng với số doanh thu công trình, hạng mục công trình phát sinh tại từng địa phương.

PHỤ LỤC II
PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2025
 (Kèm theo Báo cáo số 13C-HDND ngày 16/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách)

STT	Ngân sách cấp tỉnh Nghị quyết số 151/2021/NQ- HĐND ngày 09/12/2021	Ngân sách cấp tỉnh Dự thảo điều chỉnh	Ngân sách cấp huyện Nghị quyết số 151/2021/NQ- HĐND ngày 09/12/2021	Ngân sách đặc khu Dự thảo điều chỉnh	Ngân sách cấp xã Nghị quyết số 151/2021/NQ- HĐND ngày 09/12/2021	Ngân sách phường, xã Dự thảo điều chỉnh	Ngân sách cấp xã (Bản trình - gộp đặc khu, phường, xã)
1	Chi đầu tư phát triển	Chi đầu tư phát triển	Chi đầu tư phát triển	Chi đầu tư phát triển	Chi đầu tư phát triển	Chi đầu tư phát triển	1. Chi đầu tư phát triển
	a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do cấp tỉnh quản lý theo các lĩnh vực.	a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do cấp tỉnh quản lý theo các lĩnh vực.	a) Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do cấp huyện quản lý theo phân cấp. Riêng đối với thành phố, thị xã có nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông công lập các cấp, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị và các công trình phúc lợi công cộng khác theo phân cấp.	a) Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do đặc khu quản lý theo phân cấp. - Chi đầu tư xây dựng các trung tâm y tế, trạm y tế cấp xã; - Chi đầu tư xây dựng các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, phổ thông cơ sở, tiểu học, giáo dục mầm non; - Chi đầu tư xây dựng điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị và các công trình phúc lợi công cộng khác theo phân cấp.	a) Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do cấp xã quản lý theo phân cấp. - Chi đầu tư xây dựng trạm y tế cấp xã; - Chi đầu tư xây dựng các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, phổ thông cơ sở, tiểu học, giáo dục mầm non; - Chi đầu tư xây dựng điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị và các công trình phúc lợi công cộng khác theo phân cấp.	a) Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do cấp xã quản lý theo phân cấp. - Chi đầu tư xây dựng các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, phổ thông cơ sở, tiểu học, giáo dục mầm non; - Chi đầu tư xây dựng điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị và các công trình phúc lợi công cộng khác theo phân cấp.	a) Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do cấp xã thực hiện theo phân cấp; - Chi đầu tư xây dựng trạm y tế cấp xã; - Chi đầu tư xây dựng các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, phổ thông cơ sở, tiểu học, giáo dục mầm non; - Chi đầu tư xây dựng điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị và các công trình phúc lợi công cộng khác theo phân cấp.
	b) Chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết cho các chương trình, dự án theo phân cấp đầu tư của tỉnh.	b) Chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết cho các chương trình, dự án theo phân cấp đầu tư của tỉnh.	b) Chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất do cấp huyện quản lý theo quy định của pháp luật.	b) Chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất do cấp huyện quản lý theo quy định của pháp luật. b) Chi đầu tư xây dựng các công trình, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cấp xã từ nguồn huy động đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho từng dự án nhất định theo quy định của pháp luật, do Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định đưa vào ngân sách cấp xã quản lý.	b) Chi đầu tư xây dựng các công trình, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cấp xã từ nguồn huy động đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho từng dự án nhất định theo quy định của pháp luật, do Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định đưa vào ngân sách cấp xã quản lý.	b) Chi đầu tư xây dựng các công trình, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cấp xã từ nguồn huy động đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho từng dự án nhất định theo quy định của pháp luật, do Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định đưa vào ngân sách cấp xã quản lý.	b) Chi đầu tư xây dựng các công trình, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cấp xã từ nguồn huy động đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho từng dự án nhất định theo quy định của pháp luật, do Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định đưa vào ngân sách cấp xã quản lý.
	c) Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi các chương trình, dự án theo phân cấp; bổ sung vốn điều lệ cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách cấp tỉnh (bao gồm bổ sung vốn cho Quỹ phát triển đất tỉnh); cấp vốn ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo phân cấp.	c) Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi các chương trình, dự án theo phân cấp; bổ sung vốn điều lệ cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách cấp tỉnh (bao gồm bổ sung vốn cho Quỹ phát triển đất tỉnh); cấp vốn ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo phân cấp.	c) Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi các chương trình, dự án theo phân cấp; cấp vốn ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội cấp huyện.	c) Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi các chương trình, dự án theo phân cấp; cấp vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội đối với các chương trình, dự án, nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý của cấp xã, do cấp có thẩm quyền giao và thực hiện theo quy định của pháp luật.		c) Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi các chương trình, dự án theo phân cấp; cấp vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội đối với các chương trình, dự án, nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý của cấp xã, do cấp có thẩm quyền giao và thực hiện theo quy định của pháp luật.	c) Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi các chương trình, dự án theo phân cấp; cấp vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội đối với các chương trình, dự án, nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý của cấp xã, do cấp có thẩm quyền giao và thực hiện theo quy định của pháp luật.

STT	Ngân sách cấp tỉnh Nghị quyết số 151/2021/NQ- HĐND ngày 09/12/2021	Ngân sách cấp tỉnh Dự thảo điều chỉnh	Ngân sách cấp huyện Nghị quyết số 151/2021/NQ- HĐND ngày 09/12/2021	Ngân sách đặc khu Dự thảo điều chỉnh	Ngân sách cấp xã Nghị quyết số 151/2021/NQ- HĐND ngày 09/12/2021	Ngân sách phường, xã Dự thảo điều chỉnh	Ngân sách cấp xã (Bản trình - gộp đặc khu, phường, xã)
	d) Chi lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng; nhiệm vụ quy hoạch khác của cấp tỉnh sử dụng nguồn vốn đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công.	d) Chi lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng; nhiệm vụ quy hoạch khác của cấp tỉnh sử dụng nguồn vốn đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công.	d) Chi lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch cấp huyện; nhiệm vụ quy hoạch khác của cấp huyện sử dụng nguồn vốn đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công.	d) Chi lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch <u>đặc khu</u> ; nhiệm vụ quy hoạch khác của <u>đặc khu</u> sử dụng nguồn vốn đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công.			d) Chi thực hiện một số nhiệm vụ liên quan đến công tác lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch trong trường hợp được cấp có thẩm quyền giao hoặc phân cấp.
	d) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật.	d) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật.	d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.	d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.	c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.	c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.	d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.
	e) Chi đầu tư phát triển các chương trình, dự án theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; đối ứng các chương trình, dự án do Chính phủ quy định.	e) Chi đầu tư phát triển các chương trình, dự án theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; đối ứng các chương trình, dự án do Chính phủ quy định.					
		g) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cấp huyện quản lý trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính được điều chuyển lên cấp tỉnh quản lý;					
		h) Xây dựng các công trình thủy lợi liên xã, các công trình giao thông liên xã, các dự án đầu tư do cấp huyện trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính phê duyệt chủ trương đầu tư;					
	g) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.	l) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.					
2	Chi thường xuyên theo phân cấp quản lý trong các lĩnh vực	Chi thường xuyên theo phân cấp quản lý trong các lĩnh vực	Chi thường xuyên theo phân cấp quản lý trong các lĩnh vực	Chi thường xuyên theo phân cấp quản lý trong các lĩnh vực	Chi thường xuyên theo phân cấp quản lý trong các lĩnh vực	Chi thường xuyên theo phân cấp quản lý trong các lĩnh vực	2. Chi thường xuyên theo phân cấp quản lý trong các lĩnh vực
	a) Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	a) Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	a) Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	a) Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	a) Sự nghiệp giáo dục	a) Sự nghiệp giáo dục	a) Sự nghiệp giáo dục, đào tạo

STT	Ngân sách cấp tỉnh Nghị quyết số 151/2021/NQ- HDND ngày 09/12/2021	Ngân sách cấp tỉnh Dự thảo điều chỉnh	Ngân sách cấp huyện Nghị quyết số 151/2021/NQ- HDND ngày 09/12/2021	Ngân sách đặc khu Dự thảo điều chỉnh	Ngân sách cấp xã Nghị quyết số 151/2021/NQ- HDND ngày 09/12/2021	Ngân sách phường, xã Dự thảo điều chỉnh	Ngân sách cấp xã (Bản trình - gộp đặc khu, phường, xã)
	- Giáo dục phổ thông trung học, giáo dục thường xuyên, phổ thông dân tộc nội trú, tăng cường cơ sở vật chất cho các khối học và các hoạt động giáo dục khác do cấp tỉnh quản lý.	- Giáo dục phổ thông trung học, giáo dục thường xuyên, phổ thông dân tộc nội trú, tăng cường cơ sở vật chất cho các khối học và các hoạt động giáo dục khác do cấp tỉnh quản lý.	- Giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên ở các bậc mầm non, tiểu học và trung học cơ sở; trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, phổ thông dân tộc nội trú; tăng cường cơ sở vật chất cho các khối học và các hoạt động giáo dục khác do cấp huyện quản lý.	- Giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên ở các bậc mầm non, tiểu học và trung học cơ sở; trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, phổ thông dân tộc nội trú; tăng cường cơ sở vật chất cho các khối học và các hoạt động giáo dục khác do đặc khu quản lý.	- Hỗ trợ các hoạt động giáo dục, đào tạo trên địa bàn xã: Hội nghị giáo dục xã hàng năm; hỗ trợ các trường học trên địa bàn xã; hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng; ...	- Giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên ở các bậc mầm non, tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn do cấp xã quản lý ; Hỗ trợ các hoạt động giáo dục, đào tạo: Hội nghị giáo dục xã hàng năm; hỗ trợ các trường học trên địa bàn xã; hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng và các hoạt động giáo dục, đào tạo khác trên địa bàn ;	- Chi cho hoạt động giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên ở các bậc mầm non, tiểu học và trung học cơ sở do cấp xã thực hiện theo phân cấp; - Chi hỗ trợ các hoạt động giáo dục, đào tạo trên địa bàn xã, bao gồm: tổ chức Hội nghị giáo dục xã hàng năm, hỗ trợ các trường học trên địa bàn, hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng và các nhiệm vụ giáo dục - đào tạo khác; - Chi tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học;
	- Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo, bồi dưỡng khác theo quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức.	- Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo, bồi dưỡng khác theo quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức.	- Công tác đào tạo, bồi dưỡng của các trung tâm chính trị; trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; đào tạo lại cán bộ, công chức khối Đảng, đoàn thể, quản lý nhà nước cấp huyện, xã.	- Công tác đào tạo, bồi dưỡng của các trung tâm chính trị; trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; đào tạo lại cán bộ, công chức khối Đảng, đoàn thể, quản lý nhà nước đặc khu.		- Tăng cường cơ sở vật chất cho các khối học và các hoạt động giáo dục khác do cấp xã quản lý.	- Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã theo phân cấp hoặc theo kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
	b) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình, bao gồm: hoạt động y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, kinh phí đóng và hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng do ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ theo quy định; vệ sinh an toàn thực phẩm; dân số và gia đình; các hoạt động y tế khác.	b) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình, bao gồm: hoạt động y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, kinh phí đóng và hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng do ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ theo quy định; vệ sinh an toàn thực phẩm; dân số và gia đình; các hoạt động y tế khác.	b) Sự nghiệp y tế: kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định (các đối tượng bảo trợ xã hội); hỗ trợ công tác dân số; hỗ trợ hoạt động phòng bệnh và các hoạt động y tế khác trên địa bàn.	b) Sự nghiệp y tế: kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định (các đối tượng bảo trợ xã hội); hỗ trợ công tác dân số; hỗ trợ hoạt động phòng bệnh và các hoạt động y tế khác trên địa bàn.	b) Sự nghiệp y tế: Hỗ trợ công tác dân số và phục vụ công tác khám, chữa bệnh và các hoạt động thuộc lĩnh vực y tế khác trên địa bàn cấp xã.	b) Sự nghiệp y tế: - Chi cho hoạt động của trạm y tế cấp xã; công tác y tế dự phòng và phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn ; - Công tác phòng chống dịch và vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn ; hỗ trợ công tác dân số và phục vụ công tác khám, chữa bệnh và các hoạt động thuộc lĩnh vực y tế khác trên địa bàn cấp xã. - Chi hỗ trợ hoạt động, tăng cường vật chất trung tâm y tế.	b) Sự nghiệp y tế: Chi cho hoạt động của trạm y tế cấp xã; công tác y tế dự phòng và phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn; - Công tác phòng chống dịch và vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn; hỗ trợ công tác dân số và phục vụ công tác khám, chữa bệnh và các hoạt động thuộc lĩnh vực y tế khác trên địa bàn cấp xã. - Chi hỗ trợ hoạt động, tăng cường vật chất trung tâm y tế.

STT	Ngân sách cấp tỉnh Nghị quyết số 151/2021/NQ- HDND ngày 09/12/2021	Ngân sách cấp tỉnh Dự thảo điều chỉnh	Ngân sách cấp huyện Nghị quyết số 151/2021/NQ- HDND ngày 09/12/2021	Ngân sách đặc khu Dự thảo điều chỉnh	Ngân sách cấp xã Nghị quyết số 151/2021/NQ- HDND ngày 09/12/2021	Ngân sách phường, xã Dự thảo điều chỉnh	Ngân sách cấp xã (Bản trình - gộp đặc khu, phường, xã)
	c) Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể, gồm: Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam ở cấp tỉnh; hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh: Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên Hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.	c) Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể, gồm: Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam ở cấp tỉnh; hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh: Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên Hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.	c) Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể, gồm: Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội: Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên Hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.	c) Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể, gồm: Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội: Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên Hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.	c) Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể, gồm: Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam cấp xã; hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã: Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên Hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; chi hỗ trợ hoạt động cho các thôn, bản, tổ dân phố.	c) Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể, gồm: Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam cấp xã; hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã: Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên Hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; chi hỗ trợ hoạt động cho các thôn, bản, tổ dân phố theo quyết định của cấp có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật..	c) Chi quản lý hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể: Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; hỗ trợ hoạt động của thôn, bản, tổ dân phố và các tổ chức tự quản ở cộng đồng dân cư... phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.
	d) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh theo quy định của Chính phủ và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.	d) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh theo quy định của Chính phủ và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.	d) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp huyện theo quy định của pháp luật.	d) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp đặc khu theo quy định của pháp luật.	d) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp xã theo quy định của pháp luật.	d) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp xã theo quy định của pháp luật.	d) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp xã theo quy định của pháp luật.
	đ) Sự nghiệp văn hoá thông tin, bao gồm: bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật; hoạt động thông tin, truyền thông, xuất bản, báo chí; các hoạt động văn hóa, thông tin khác do cấp tỉnh quản lý, thực hiện.	đ) Sự nghiệp văn hoá thông tin, bao gồm: bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật; hoạt động thông tin, truyền thông, xuất bản, báo chí; các hoạt động văn hóa, thông tin khác do cấp tỉnh quản lý, thực hiện.	đ) Sự nghiệp văn hoá thông tin, bao gồm: các hoạt động thư viện, trung tâm văn hóa, biểu diễn nghệ thuật và các hoạt động văn hóa, thông tin khác do cấp huyện quản lý, thực hiện.	đ) Sự nghiệp văn hoá thông tin, bao gồm: các hoạt động thư viện, trung tâm văn hóa, biểu diễn nghệ thuật và các hoạt động văn hóa, thông tin khác do đặc khu quản lý, thực hiện.	đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin cấp xã quản lý, thực hiện (bao gồm chi hỗ trợ thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được lồng ghép với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”).	đ) Sự nghiệp văn hóa, thông tin do cấp xã quản lý, thực hiện, bao gồm chi hỗ trợ phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” (lồng ghép với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”); các hoạt động văn hóa, thông tin cơ bản; chi cho hoạt động thư viện, trung tâm văn hóa cấp xã theo phân cấp hoặc theo đặc thù, nhu cầu của địa phương.	đ) Sự nghiệp văn hóa, thông tin do cấp xã thực hiện theo phân cấp, thực hiện, bao gồm chi hỗ trợ phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” (lồng ghép với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”); các hoạt động văn hóa, thông tin cơ bản; chi cho hoạt động thư viện, trung tâm văn hóa cấp xã theo phân cấp hoặc theo đặc thù, nhu cầu của địa phương.
	e) Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác.	e) Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác.	e) Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, tiếp kênh truyền hình và các hoạt động thông tin khác.	e) Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, tiếp kênh truyền hình và các hoạt động thông tin khác.	e) Chi sự nghiệp phát thanh truyền thanh và các hoạt động thông tin khác do cấp xã quản lý.	e) Chi sự nghiệp phát thanh truyền thanh và các hoạt động thông tin khác do cấp xã quản lý.	e) Chi sự nghiệp phát thanh truyền thanh và các hoạt động thông tin khác thuộc phạm vi quản lý của cấp xã.

STT	Ngân sách cấp tỉnh Nghị quyết số 151/2021/NQ- HDND ngày 09/12/2021	Ngân sách cấp tỉnh Dự thảo điều chỉnh	Ngân sách cấp huyện Nghị quyết số 151/2021/NQ- HDND ngày 09/12/2021	Ngân sách đặc khu Dự thảo điều chỉnh	Ngân sách cấp xã Nghị quyết số 151/2021/NQ- HDND ngày 09/12/2021	Ngân sách phường, xã Dự thảo điều chỉnh	Ngân sách cấp xã (Bản trình - gộp đặc khu, phường, xã)
	g) Chi sự nghiệp thể dục thể thao, bao gồm: bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; các giải thi đấu cấp tỉnh; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác cấp tỉnh quản lý.	g) Chi sự nghiệp thể dục thể thao, bao gồm: bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; các giải thi đấu cấp tỉnh; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác cấp tỉnh quản lý.	g) Chi sự nghiệp thể dục thể thao, bao gồm: bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp huyện; các giải thi đấu cấp huyện; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác cấp huyện quản lý.	g) Chi sự nghiệp thể dục thể thao, bao gồm: bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển đặc khu; các giải thi đấu đặc khu; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác đặc khu quản lý.	g) Chi sự nghiệp thể dục thể thao do xã, phường thị trấn quản lý (bao gồm hỗ trợ các hoạt động thể dục, thể thao ở cơ sở).	g) Chi sự nghiệp thể dục, thể thao do phường, xã quản lý, bao gồm: Hỗ trợ tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao tại cơ sở; bồi dưỡng, huấn luyện vận động viên tham gia các giải thi đấu cấp xã hoặc theo nhiệm vụ, kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao; quản lý công trình thể dục, thể thao trên địa bàn theo phân cấp.	g) Chi sự nghiệp thể dục, thể thao do phường, xã quản lý, bao gồm: Hỗ trợ tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao tại cơ sở; bồi dưỡng, huấn luyện vận động viên tham gia các giải thi đấu cấp xã hoặc theo nhiệm vụ, kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao; quản lý công trình thể dục, thể thao trên địa bàn theo phân cấp.
	h) Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội, bao gồm: các hoạt động đảm bảo xã hội cho các trung tâm, các trại xã hội, Ban Quản lý Nghĩa trang và Đón tiếp thân nhân liệt sỹ; hoạt động chăm sóc và bảo vệ trẻ em; phòng chống các tệ nạn xã hội; cứu tế xã hội, cứu đói, trợ giúp đột xuất trong các trường hợp cấp bách (khắc phục thiên tai, dịch bệnh, ...) trên diện rộng với mức độ nghiêm trọng; thăm hỏi các đối tượng chính sách; các chính sách an sinh xã hội đối với các đối tượng cấp tỉnh quản lý; các chính sách xã hội và các hoạt động xã hội khác cấp tỉnh quản lý, thực hiện.	h) Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội, bao gồm: các hoạt động đảm bảo xã hội cho các trung tâm, các trại xã hội, Ban Quản lý Nghĩa trang và Đón tiếp thân nhân liệt sỹ; hoạt động chăm sóc và bảo vệ trẻ em; phòng chống các tệ nạn xã hội; cứu tế xã hội, cứu đói, trợ giúp đột xuất trong các trường hợp cấp bách (khắc phục thiên tai, dịch bệnh, ...) trên diện rộng với mức độ nghiêm trọng; thăm hỏi các đối tượng chính sách; các chính sách an sinh xã hội đối với các đối tượng cấp tỉnh quản lý; các chính sách xã hội và các hoạt động xã hội khác cấp tỉnh quản lý, thực hiện.	h) Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội, bao gồm: chế độ trợ giúp thường xuyên, đột xuất các đối tượng bảo trợ xã hội; cứu tế xã hội, cứu đói, trợ giúp đột xuất trong các trường hợp cấp bách (khắc phục thiên tai, dịch bệnh, tai nạn...); thăm hỏi các đối tượng chính sách; chăm sóc nghĩa trang liệt sỹ; hoạt động quản lý, điều tra thống kê hộ nghèo và giảm nghèo; lao động việc làm; các hoạt động chăm sóc và bảo vệ trẻ em; các chính sách an sinh xã hội đối với các đối tượng do cấp huyện quản lý; các chính sách xã hội và các hoạt động xã hội khác do cấp huyện quản lý, thực hiện.	h) Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội, bao gồm: chế độ trợ giúp thường xuyên, đột xuất các đối tượng bảo trợ xã hội; cứu tế xã hội, cứu đói, trợ giúp đột xuất trong các trường hợp cấp bách (khắc phục thiên tai, dịch bệnh, tai nạn...); thăm hỏi các đối tượng chính sách; chăm sóc nghĩa trang liệt sỹ; hoạt động quản lý, điều tra thống kê hộ nghèo và giảm nghèo; lao động việc làm; các hoạt động chăm sóc và bảo vệ trẻ em; các chính sách an sinh xã hội đối với các đối tượng do cấp huyện quản lý; các chính sách xã hội và các hoạt động xã hội khác do đặc khu quản lý, thực hiện.	h) Chi đảm bảo xã hội: chi trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định; chi tặng quà, chúc thọ, mừng thọ đối với người cao tuổi; chi cứu tế xã hội; thăm hỏi các đối tượng chính sách; chăm sóc nghĩa trang liệt sỹ; các chính sách xã hội và công tác xã hội khác.	h) Chi đảm bảo xã hội: Chi trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định; chi tặng quà, chúc thọ, mừng thọ đối với người cao tuổi; chi cứu tế xã hội; thăm hỏi các đối tượng chính sách; chăm sóc nghĩa trang liệt sỹ; các chính sách xã hội và công tác xã hội khác. - Chi thực hiện các chính sách và hoạt động sự nghiệp trong lĩnh vực bảo đảm xã hội do cấp xã thực hiện, bao gồm: thực hiện chế độ trợ giúp thường xuyên, đột xuất đối với đối tượng bảo trợ xã hội; triển khai chương trình, chính sách an sinh xã hội; quản lý, tổ chức điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm nghèo, lao động việc	h) Chi đảm bảo xã hội: Chi trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định; chi tặng quà, chúc thọ, mừng thọ đối với người cao tuổi; chi cứu tế xã hội; thăm hỏi các đối tượng chính sách; chăm sóc nghĩa trang liệt sỹ; các chính sách xã hội và công tác xã hội khác; - Chi thực hiện các chính sách và hoạt động sự nghiệp trong lĩnh vực bảo đảm xã hội do cấp xã thực hiện, bao gồm: thực hiện chế độ trợ giúp thường xuyên, đột xuất đối với đối tượng bảo trợ xã hội; triển khai chương trình, chính sách an sinh xã hội; quản lý, tổ chức điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm nghèo, lao
	i) Chi quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh	i) Chi quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh	i) Chi quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện	i) Chi quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách đặc khu	i) Chi quốc dân quân tự vệ, trật tự, an toàn xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã	i) Chi quốc dân quân tự vệ, trật tự, an toàn xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã	i) Chi quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã
	i1. Chi quốc phòng:	i1. Chi quốc phòng:	i1. Chi quốc phòng:	i1. Chi quốc phòng:	i1. Chi quốc phòng:	i1. Chi quốc phòng:	i1. Chi quốc phòng:
	- Tổ chức hội nghị, tập huấn nghiệp vụ và báo cáo công tác quốc phòng của địa phương; nhiệm vụ xây dựng và hoạt động khu vực phòng thủ.	- Tổ chức hội nghị, tập huấn nghiệp vụ và báo cáo công tác quốc phòng của địa phương; nhiệm vụ xây dựng và hoạt động khu vực phòng thủ.	- Chi tổ chức hội nghị, tập huấn nghiệp vụ và báo cáo công tác quốc phòng; các cuộc hội thao, hội thi; nhiệm vụ xây dựng và hoạt động khu vực phòng thủ.	- Chi tổ chức hội nghị, tập huấn nghiệp vụ và báo cáo công tác quốc phòng; các cuộc hội thao, hội thi; nhiệm vụ xây dựng và hoạt động khu vực phòng thủ.	- Hoạt động Ban Chỉ huy quân sự cấp xã.	- Hoạt động Ban Chỉ huy quân sự cấp xã.	- Chi tổ chức hội nghị, tập huấn nghiệp vụ, hội thao, hội thi; báo cáo công tác quốc phòng và các nhiệm vụ xây dựng, hoạt động khu vực phòng thủ tại địa phương.

STT	Ngân sách cấp tỉnh Nghị quyết số 151/2021/NQ- HDND ngày 09/12/2021	Ngân sách cấp tỉnh Dự thảo điều chỉnh	Ngân sách cấp huyện Nghị quyết số 151/2021/NQ- HDND ngày 09/12/2021	Ngân sách đặc khu Dự thảo điều chỉnh	Ngân sách cấp xã Nghị quyết số 151/2021/NQ- HDND ngày 09/12/2021	Ngân sách phường, xã Dự thảo điều chỉnh	Ngân sách cấp xã (Bản trình - gộp đặc khu, phường, xã)
	- Tổ chức và huy động lực lượng dự bị động viên; tổ chức và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ; thực hiện công tác tuyển quân; chi mua sắm trang phục cho lực lượng dân quân tự vệ.	- Tổ chức và huy động lực lượng dự bị động viên; tổ chức và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ; thực hiện công tác tuyển quân; chi mua sắm trang phục cho lực lượng dân quân tự vệ.	- Chi thực hiện Luật Dân quân tự vệ: tập huấn, huấn luyện dân quân tự vệ và các nhiệm vụ dân quân tự vệ khác do cấp huyện tổ chức, thực hiện (không bao gồm mua sắm trang phục cho lực lượng dân quân tự vệ).	- Chi thực hiện Luật Dân quân tự vệ: tập huấn, huấn luyện dân quân tự vệ và các nhiệm vụ dân quân tự vệ khác do đặc khu tổ chức, thực hiện (không bao gồm mua sắm trang phục cho lực lượng dân quân tự vệ).	- Chi huấn luyện dân quân tự vệ, các khoản phụ cấp huy động dân quân tự vệ; tổ chức và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định.	- Chi huấn luyện dân quân tự vệ, các khoản phụ cấp huy động dân quân tự vệ; tổ chức và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định.	- Chi tổ chức và huy động lực lượng dự bị động viên, lực lượng dân quân tự vệ; huấn luyện dân quân tự vệ; phụ cấp huy động dân quân tự vệ; (riêng mua sắm trang phục dân quân chi thực hiện nếu có hướng dẫn cụ thể hoặc được cấp có thẩm quyền phê duyệt).
	- Đảm bảo chế độ, chính sách đối với sĩ quan dự bị và học viên đào tạo sĩ quan dự bị; công tác giáo dục quốc phòng toàn dân và chi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho cán bộ, công chức lãnh đạo chủ chốt học tại trường quân sự theo quy định; đào tạo cán bộ quân sự xã, phường, thị trấn.	- Đảm bảo chế độ, chính sách đối với sĩ quan dự bị và học viên đào tạo sĩ quan dự bị; công tác giáo dục quốc phòng toàn dân và chi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho cán bộ, công chức lãnh đạo chủ chốt học tại trường quân sự theo quy định; đào tạo cán bộ quân sự xã, phường, thị trấn.	- Tổ chức và huy động lực lượng dự bị động viên; thực hiện công tác tuyển quân.	- Tổ chức và huy động lực lượng dự bị động viên; thực hiện công tác tuyển quân.	- Công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.	- Công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.	Chi thực hiện công tác tổ chức và huy động lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã; đăng ký nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ; thực hiện các nhiệm vụ khác về quốc phòng, nghĩa vụ quân sự theo phân cấp và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.
	- Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa các công trình chiến đấu, phục vụ chiến đấu, doanh trại, kho tàng của cơ quan quân sự địa phương, trường quân sự địa phương theo khả năng ngân sách.	- Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa các công trình chiến đấu, phục vụ chiến đấu, doanh trại, kho tàng của cơ quan quân sự địa phương, trường quân sự địa phương theo khả năng ngân sách.	- Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa các công trình chiến đấu, phục vụ chiến đấu, doanh trại, kho tàng của cơ quan quân sự địa phương, trường quân sự địa phương theo khả năng ngân sách.	- Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa các công trình chiến đấu, phục vụ chiến đấu, doanh trại, kho tàng của cơ quan quân sự địa phương, trường quân sự địa phương theo khả năng ngân sách.	- Đảm bảo các nhiệm vụ khác thuộc nhiệm vụ chi quốc phòng do ngân sách xã đảm bảo theo quy định của pháp luật.	- Đảm bảo các nhiệm vụ khác thuộc nhiệm vụ chi quốc phòng do ngân sách xã đảm bảo theo quy định của pháp luật.	- Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa các công trình chiến đấu, phục vụ chiến đấu, doanh trại, kho tàng của cơ quan quân sự địa phương, trường quân sự địa phương theo khả năng ngân sách.
	- Đảm bảo các nhiệm vụ khác thuộc nhiệm vụ chi quốc phòng do ngân sách tỉnh đảm bảo theo quy định của pháp luật.	- Đảm bảo các nhiệm vụ khác thuộc nhiệm vụ chi quốc phòng do ngân sách tỉnh đảm bảo theo quy định của pháp luật.	- Đảm bảo các nhiệm vụ khác thuộc nhiệm vụ chi quốc phòng do ngân sách huyện đảm bảo theo quy định của pháp luật.	- Đảm bảo các nhiệm vụ khác thuộc nhiệm vụ chi quốc phòng do ngân sách huyện đảm bảo theo quy định của pháp luật.			- Đảm bảo các nhiệm vụ khác thuộc nhiệm vụ chi quốc phòng do ngân sách huyện đảm bảo theo quy định của pháp luật.
	i2. Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội:	i2. Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội:	i2. Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội:	i2. Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội:	i2. Chi trật tự an toàn xã hội:	i2. Chi trật tự an toàn xã hội:	<i>i2. Chi trật tự an toàn xã hội:</i>
	- Hỗ trợ các chiến dịch phòng, chống các loại tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự và an toàn xã hội; sơ kết, tổng kết phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.	- Hỗ trợ các chiến dịch phòng, chống các loại tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự và an toàn xã hội; sơ kết, tổng kết phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.	- Hỗ trợ thực hiện chiến dịch giữ gìn an ninh trật tự cơ sở.	- Hỗ trợ thực hiện chiến dịch giữ gìn an ninh trật tự cơ sở.	- Đảm bảo hoạt động của Công an cấp xã theo phân cấp; hoạt động của lực lượng bảo vệ dân phố.	- Hỗ trợ, đảm bảo điều kiện hoạt động cho Công an chính quy tại cấp xã theo phân cấp và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.	- Chi hỗ trợ, bảo đảm điều kiện hoạt động cho lực lượng Công an chính quy tại cấp xã theo phân cấp hoặc theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền; thực hiện các nhiệm vụ giữ gìn an ninh, trật tự tại địa bàn cơ sở.
	- Hỗ trợ công tác phòng cháy, chữa cháy; hỗ trợ cải tạo, sửa chữa nhà tạm giam, tạm giữ, mua sắm trang thiết bị, phương tiện nghiệp vụ theo khả năng ngân sách địa phương.	- Hỗ trợ công tác phòng cháy, chữa cháy; hỗ trợ cải tạo, sửa chữa nhà tạm giam, tạm giữ, mua sắm trang thiết bị, phương tiện nghiệp vụ theo khả năng ngân sách địa phương.	- Xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội; sơ kết, tổng kết phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.	- Xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội; sơ kết, tổng kết phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.	- Chi tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cấp xã.	- Chi tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cấp xã.	- Xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội; sơ kết, tổng kết phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.

STT	Ngân sách cấp tỉnh Nghị quyết số 151/2021/NQ- HDND ngày 09/12/2021	Ngân sách cấp tỉnh Dự thảo điều chỉnh	Ngân sách cấp huyện Nghị quyết số 151/2021/NQ- HDND ngày 09/12/2021	Ngân sách đặc khu Dự thảo điều chỉnh	Ngân sách cấp xã Nghị quyết số 151/2021/NQ- HDND ngày 09/12/2021	Ngân sách phường, xã Dự thảo điều chỉnh	Ngân sách cấp xã (Bản trình - gộp đặc khu, phường, xã)
	- Các nhiệm vụ khác về lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội do ngân sách tỉnh đảm bảo theo quy định.	- Các nhiệm vụ khác về lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội do ngân sách tỉnh đảm bảo theo quy định.	- Các nhiệm vụ khác về lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội do ngân sách huyện đảm bảo theo quy định.	- Các nhiệm vụ khác về lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội do ngân sách huyện đảm bảo theo quy định.	- Các nhiệm vụ khác thuộc an ninh, trật tự, an toàn xã hội của ngân sách địa phương theo quy định.	- Các nhiệm vụ khác thuộc an ninh, trật tự, an toàn xã hội của ngân sách địa phương theo quy định.	- Các nhiệm vụ khác về lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội theo quy định.
	k) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, bao gồm các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ; các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác.	k) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, bao gồm các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ; các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác.	k) Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: Chi ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ; các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác (cấp huyện không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ).	k) Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: Chi ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ; các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác (đặc khu không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ).		k) Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: Chi ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ; các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác (đặc khu không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ).	k) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Chi ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ; các hoạt động sự nghiệp khoa học và công nghệ khác theo nhiệm vụ được giao. Không bố trí nhiệm vụ chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tại cấp xã, trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật.
	l) Chi hoạt động sự nghiệp kinh tế	l) Chi hoạt động sự nghiệp kinh tế	l) Chi hoạt động sự nghiệp kinh tế	l) Chi hoạt động sự nghiệp kinh tế	l) Chi hoạt động sự nghiệp kinh tế	l) Chi hoạt động sự nghiệp kinh tế	l) Chi hoạt động sự nghiệp kinh tế
	- Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu, đường và các công trình giao thông khác; lập biển báo và các biện pháp an toàn giao thông trên các tuyến đường do tỉnh quản lý.	- Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu, đường và các công trình giao thông khác; lập biển báo và các biện pháp an toàn giao thông trên các tuyến đường do tỉnh quản lý.	- Sự nghiệp giao thông, bao gồm hoạt động quản lý, bảo trì, sửa chữa, bảo đảm hoạt động, an toàn giao thông trên các tuyến đường nội thị, liên huyện được tỉnh phân cấp quản lý.	- Sự nghiệp giao thông, bao gồm hoạt động quản lý, bảo trì, sửa chữa, bảo đảm hoạt động, an toàn giao thông trên các tuyến đường nội thị, liên huyện được tỉnh phân cấp quản lý.	- Sự nghiệp giao thông: Hoạt động bảo trì, quản lý sử dụng, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông do cấp xã quản lý theo phân cấp.	- Sự nghiệp giao thông: Hoạt động bảo trì, quản lý sử dụng, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông do cấp xã quản lý theo phân cấp.	- Sự nghiệp giao thông, bao gồm chi thực hiện các nhiệm vụ quản lý, bảo trì, sửa chữa, đảm bảo hoạt động và an toàn giao thông trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý của cấp xã theo phân cấp.
	- Sự nghiệp kiến thiết thị chính: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp nước, thoát nước, công viên và các hoạt động kiến thiết thị chính khác do đơn vị cấp tỉnh quản lý thực hiện.	- Sự nghiệp kiến thiết thị chính: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp nước, thoát nước, công viên và các hoạt động kiến thiết thị chính khác do đơn vị cấp tỉnh quản lý thực hiện.	- Sự nghiệp kiến thiết thị chính: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống thoát nước, công viên, cây xanh đô thị và các hoạt động sự nghiệp thị chính khác do các đơn vị cấp huyện thực hiện.	- Sự nghiệp kiến thiết thị chính: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống thoát nước, công viên, cây xanh đô thị và các hoạt động sự nghiệp thị chính khác do các đơn vị đặc khu thực hiện.	- Sự nghiệp thị chính: Duy tu, bảo dưỡng trụ sở, điện chiếu sáng, vỉa hè và thoát nước công cộng tại trung tâm xã và các đường hẻm thuộc khu dân cư; các công trình phúc lợi công cộng khác do cấp xã quản lý.	- Sự nghiệp thị chính: Duy tu, bảo dưỡng trụ sở, điện chiếu sáng, vỉa hè và thoát nước công cộng tại trung tâm xã và các đường hẻm thuộc khu dân cư; các công trình phúc lợi công cộng khác do cấp xã quản lý.	- Sự nghiệp thị chính: Duy tu, bảo dưỡng trụ sở, điện chiếu sáng, vỉa hè, công viên, cây xanh đô thị và thoát nước công cộng tại trung tâm xã hoặc cấp xã và các đường hẻm thuộc khu dân cư; các công trình phúc lợi công cộng khác thuộc phạm vi quản lý của cấp xã.

STT	Ngân sách cấp tỉnh Nghị quyết số 151/2021/NQ- HĐND ngày 09/12/2021	Ngân sách cấp tỉnh Dự thảo điều chỉnh	Ngân sách cấp huyện Nghị quyết số 151/2021/NQ- HĐND ngày 09/12/2021	Ngân sách đặc khu Dự thảo điều chỉnh	Ngân sách cấp xã Nghị quyết số 151/2021/NQ- HĐND ngày 09/12/2021	Ngân sách phường, xã Dự thảo điều chỉnh	Ngân sách cấp xã (Bản trình - gộp đặc khu, phường, xã)
	- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn: Duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi do tính quản lý, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản do các đơn vị cấp tỉnh quản lý, thực hiện.	- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn: Duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi do tính quản lý, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản do các đơn vị cấp tỉnh quản lý, thực hiện.	- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn: Duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, ... do đặc khu quản lý, thực hiện.	- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn: Duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, ... do đặc khu quản lý, thực hiện.	- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: Hoạt động bảo vệ, nuôi trồng, chăm sóc, bảo dưỡng, sửa chữa, vận hành, khai thác trong nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi; định canh, định cư và phát triển nông thôn do cấp xã quản lý thực hiện; hỗ trợ công tác khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm.	- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: Hoạt động bảo vệ, nuôi trồng, chăm sóc, bảo dưỡng, sửa chữa, vận hành, khai thác trong nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi; định canh, định cư và phát triển nông thôn do cấp xã quản lý thực hiện; hỗ trợ công tác khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm.	- Chi sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn: Chi duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi nhỏ, kênh mương nội đồng, đê điều và trạm trại phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp thuộc phạm vi quản lý của cấp xã; chi công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; khoanh nuôi, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và các hoạt động khác phù hợp với nhiệm vụ được giao hoặc theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.
	- Sự nghiệp tài nguyên: Các hoạt động điều tra, quản lý đất đai, tài nguyên; đo đạc và bản đồ, đo đạc địa giới hành chính; lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động quản lý tài nguyên khác thuộc cấp tỉnh quản lý.	- Sự nghiệp tài nguyên: Các hoạt động điều tra, quản lý đất đai, tài nguyên; đo đạc và bản đồ, đo đạc địa giới hành chính; lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động quản lý tài nguyên khác thuộc cấp tỉnh quản lý.	- Sự nghiệp tài nguyên: Đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính, lập bản đồ, chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính, lưu trữ hồ sơ địa chính, thống kê, kiểm kê đất đai và các hoạt động sự nghiệp tài nguyên khác cơ quan cấp huyện thực hiện theo phân cấp.	- Sự nghiệp tài nguyên: Đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính, lập bản đồ, chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính, lưu trữ hồ sơ địa chính, thống kê, kiểm kê đất đai và các hoạt động sự nghiệp tài nguyên khác cơ quan đặc khu thực hiện theo phân cấp.	- Các sự nghiệp kinh tế khác do cấp xã quản lý.	- Sự nghiệp tài nguyên: Đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính, lập bản đồ, chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính, lưu trữ hồ sơ địa chính, thống kê, kiểm kê đất đai và các hoạt động sự nghiệp tài nguyên khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.	- Sự nghiệp tài nguyên: Đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính, lập bản đồ, chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính, lưu trữ hồ sơ địa chính, thống kê, kiểm kê đất đai và các hoạt động sự nghiệp tài nguyên khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.
	- Công tác khuyến công; hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch do cấp tỉnh quản lý.	- Công tác khuyến công; hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch do cấp tỉnh quản lý.	- Công tác khuyến công; hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch do cấp huyện quản lý; điều tra cơ bản do đơn vị cấp huyện thực hiện.	- Công tác khuyến công; hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch do đặc khu quản lý; điều tra cơ bản do đơn vị đặc khu thực hiện.			- Chi hỗ trợ thực hiện một số hoạt động khuyến công, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch và điều tra cơ bản tại địa phương theo phân cấp hoặc theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.
	- Chi hỗ trợ theo các chương trình, chính sách về kinh tế đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.	- Chi hỗ trợ theo các chương trình, chính sách về kinh tế đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.	- Chi hỗ trợ theo các chương trình, chính sách về kinh tế đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.	- Chi hỗ trợ theo các chương trình, chính sách về kinh tế đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.		- Chi hỗ trợ theo các chương trình, chính sách về kinh tế đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.	- Chi hỗ trợ theo các chương trình, chính sách về kinh tế đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.
	- Các sự nghiệp kinh tế khác do cấp tỉnh quản lý.	- Các sự nghiệp kinh tế khác do cấp tỉnh quản lý.	- Các sự nghiệp kinh tế khác do cấp huyện quản lý.	- Các sự nghiệp kinh tế khác do đặc khu quản lý.		- Các sự nghiệp kinh tế khác do cấp xã quản lý.	- Các sự nghiệp kinh tế khác thuộc phạm vi quản lý của cấp xã.
	m) Sự nghiệp bảo vệ môi trường	m) Sự nghiệp bảo vệ môi trường	m) Sự nghiệp bảo vệ môi trường	m) Sự nghiệp bảo vệ môi trường	m) Sự nghiệp bảo vệ môi trường	m) Sự nghiệp bảo vệ môi trường	m) Sự nghiệp bảo vệ môi trường
	- Xây dựng chiến lược, đề án, chương trình, kế hoạch,	- Xây dựng chiến lược, đề án, chương trình, kế hoạch, quy	- Thống kê, đánh giá tình hình ô nhiễm, suy thoái và sự	- Thống kê, đánh giá tình hình ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi	- Xác nhận, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo vệ	- Xác nhận, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường	- Thống kê, đánh giá tình hình ô nhiễm, suy thoái và sự cố

STT	Ngân sách cấp tỉnh Nghị quyết số 151/2021/NQ- HDND ngày 09/12/2021	Ngân sách cấp tỉnh Dự thảo điều chỉnh	Ngân sách cấp huyện Nghị quyết số 151/2021/NQ- HDND ngày 09/12/2021	Ngân sách đặc khu Dự thảo điều chỉnh	Ngân sách cấp xã Nghị quyết số 151/2021/NQ- HDND ngày 09/12/2021	Ngân sách phường, xã Dự thảo điều chỉnh	Ngân sách cấp xã (Bản trình - gộp đặc khu, phường, xã)
	- Hoạt động của hệ thống quan trắc tài nguyên và môi trường do các cơ quan, đơn vị địa phương quản lý (bao gồm vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định, thay thế thiết bị phụ trợ, công cụ, dụng cụ); xây dựng và thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường của tỉnh.	- Hoạt động của hệ thống quan trắc tài nguyên và môi trường do các cơ quan, đơn vị địa phương quản lý (bao gồm vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định, thay thế thiết bị phụ trợ, công cụ, dụng cụ); xây dựng và thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường của tỉnh.	- Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng do huyện quản lý; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển.	- Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng do huyện quản lý; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển.	- Quản lý các công trình vệ sinh công cộng trên địa bàn xã; hỗ trợ các hoạt động giảm thiểu, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường khu dân cư, nơi công cộng thuộc địa bàn quản lý; sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các làng nghề được cơ quan có thẩm quyền quy hoạch phát triển và giao cấp xã quản lý ; xây dựng mô hình về bảo vệ môi trường tại khu dân cư.	Quản lý các công trình vệ sinh công cộng trên địa bàn xã; hỗ trợ các hoạt động giảm thiểu, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường khu dân cư, nơi công cộng thuộc địa bàn quản lý; sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các làng nghề được cơ quan có thẩm quyền quy hoạch phát triển và giao cấp xã quản lý ; xây dựng mô hình về bảo vệ môi trường tại khu dân cư.	Quản lý các công trình vệ sinh công cộng trên địa bàn xã; hỗ trợ các hoạt động giảm thiểu, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường khu dân cư, nơi công cộng thuộc địa bàn quản lý; sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các làng nghề được cơ quan có thẩm quyền quy hoạch phát triển và giao cấp xã quản lý; xây dựng mô hình về bảo vệ môi trường tại khu dân cư.
	- Hỗ trợ công tác xử lý ô nhiễm môi trường theo dự án, nhiệm vụ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	- Hỗ trợ công tác xử lý ô nhiễm môi trường theo dự án, nhiệm vụ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	- Hỗ trợ hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt tại địa phương.	- Hỗ trợ hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt tại địa phương.	- Hỗ trợ khắc phục, xử lý ô nhiễm sau sự cố môi trường.	- Hỗ trợ khắc phục, xử lý ô nhiễm sau sự cố môi trường.	- Hỗ trợ hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt tại địa phương.
	- Hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường; thống kê môi trường; xây dựng, cập nhật bộ chỉ thị môi trường; xây dựng báo cáo môi trường; truyền thông về bảo vệ môi trường; hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường.	- Hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường; thống kê môi trường; xây dựng, cập nhật bộ chỉ thị môi trường; xây dựng báo cáo môi trường; truyền thông về bảo vệ môi trường; hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường.	- Truyền thông về bảo vệ môi trường; hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường.	- Truyền thông về bảo vệ môi trường; hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường.	- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của hộ gia đình, cá nhân.	- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của hộ gia đình, cá nhân.	- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của hộ gia đình, cá nhân.
	- Điều tra, thống kê, đánh giá tình hình ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường, phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường, quản lý chất thải.	- Điều tra, thống kê, đánh giá tình hình ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường, phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường, quản lý chất thải.	- Hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường đơn giản; xây dựng báo cáo môi trường định kỳ, đột xuất.	- Hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường đơn giản; xây dựng báo cáo môi trường định kỳ, đột xuất.	- Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc phạm vi, thẩm quyền cấp xã quản lý, thực hiện.	- Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc phạm vi, thẩm quyền cấp xã quản lý, thực hiện.	- Hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường đơn giản; xây dựng báo cáo môi trường định kỳ, đột xuất.
	- Hoạt động của Ban Chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập; vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường; triển khai kế hoạch về bảo tồn đa dạng sinh học.	- Hoạt động của Ban Chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập; vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường; triển khai kế hoạch về bảo tồn đa dạng sinh học.	- Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc phạm vi, thẩm quyền cấp huyện quản lý, thực hiện.	- Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc phạm vi, thẩm quyền đặc khu quản lý, thực hiện.		- Các nhiệm vụ chi khác được phân cấp cho cấp xã theo quyết định của cấp có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.	- Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc phạm vi, thẩm quyền cấp xã quản lý, thực hiện.
	- Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường do cấp tỉnh quản lý, thực hiện.	- Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường do cấp tỉnh quản lý, thực hiện.					

